

2020

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM



MCG

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN
VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Số: ~~102~~../BC-MECO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 19 tháng 4 năm 2021

BÁO CÁO Thường niên năm 2020

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước,
- Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

I. THÔNG TIN CHUNG:

1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM (VIETNAM MECHANIZATION ELECTRIFICATION & CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY)..
- Tên viết tắt: MECO
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0100103295 do Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội cấp lần đầu ngày 30/11/2005, đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 11/7/2019.
- Vốn điều lệ: 575.100.000.000 đồng (*Năm trăm bảy mươi lăm tỷ một trăm triệu đồng*).
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 575.100.000.000 đồng.
- Địa chỉ: Ngõ 102 Trường Chinh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, Hà Nội.
- Số điện thoại: (8424) 3869 4773
- Số Fax: (8424) 3869 1568
- Website: <http://www.mecojsc.vn>
- Mã cổ phiếu: MCG.

* Quá trình hình thành và phát triển:

- *Việc thành lập:*

Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng Việt Nam tiền thân là *Xưởng sửa chữa máy kéo* được thành lập ngày 08 tháng 3 năm 1956 trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Công nghiệp thực phẩm (nay là Bộ Nông nghiệp & PTNT). Năm 1969 đổi tên thành: *Nhà máy đại tu máy kéo Hà Nội*. Năm 1977 tiếp tục đổi tên thành *Nhà máy cơ khí nông nghiệp I Hà Nội*.

Ngày 24/03/1993 đổi tên thành Công ty Cơ điện và Phát triển Nông thôn.

Ngày 29 tháng 10 năm 2003, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn ra Quyết định số 4797/QĐ/BNN-TCCB, đổi tên Công ty Cơ điện và Phát triển Nông thôn thành Công ty Cơ điện - Xây dựng Nông nghiệp và Thủy lợi Hà Nội, là doanh nghiệp Nhà nước hạch toán độc lập trực thuộc Tổng Công ty Cơ điện Xây dựng Nông nghiệp và Thủy lợi - Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn.

- Chuyển đổi sở hữu thành Công ty Cổ phần:

Ngày 09 tháng 12 năm 2004, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT ra Quyết định số 4465/QĐ/BNN-TCCB V/v: Chuyển doanh nghiệp nhà nước Công ty cơ điện xây dựng nông nghiệp và thủy lợi Hà Nội thành Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100103295 (số cũ 0103009916) do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần 1 ngày 30/11/2005, vốn điều lệ là: 12.000.000.000 đồng.

Ngày 21 tháng 6 năm 2007, đổi tên thành **CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM.**

- Niêm yết:

Ngày 24/09/2009, Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng Việt Nam (MECO JSC) đã chính thức niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh (HOSE) với mã chứng khoán là **MCG**, theo Quyết định số 109 ngày 01/9/2009 của HOSE.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

STT	TÊN NGÀNH
1	Phá dỡ: Chi tiết: - Đào đắp đất đá, san lấp mặt bằng, phát triển hạ tầng - Phá dỡ
2	Lắp đặt hệ thống điện
3	Hoàn thiện công trình xây dựng
4	Sản xuất các cấu kiện kim loại
5	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan
6	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa
7	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ
8	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp (Không bao gồm thiết kế phương tiện vận tải)
9	Khai thác thủy sản biển
10	Khai thác thủy sản nội địa
11	Hoạt động thiết kế chuyên dụng
12	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Thiết kế lắp đặt thiết bị, công nghệ cơ khí công trình thủy lợi, thủy điện - Giám sát thi công xây dựng loại công trình dân dụng và công nghiệp, thủy điện trong lĩnh vực chuyên môn giám sát: Xây dựng và hoàn thiện - Thiết kế lắp đặt thiết bị cơ khí công trình thủy điện - Thiết kế công trình thủy điện, thủy lợi - Thiết kế kết cấu công trình dân dụng - Thiết kế tổng mặt bằng, kiến trúc, nội, ngoại thất: đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp - Thiết kế các loại bơm đến 8000m ³ /h

13	Nuôi trồng thủy sản biển
14	Nuôi trồng thủy sản nội địa
15	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên
16	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ
17	Đại lý du lịch
18	Điều hành tua du lịch
19	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch Chi tiết: - Cung cấp các dịch vụ đặt chỗ liên quan đến hoạt động du lịch: vận tải, khách sạn, nhà hàng, cho thuê xe, giải trí và thể thao - Cung cấp dịch vụ hỗ trợ khách du lịch: cung cấp thông tin du lịch cho khách, hoạt động hướng dẫn du lịch - Hoạt động xúc tiến du lịch - Kinh doanh dịch vụ lữ hành
20	Xây dựng nhà để ở
21	Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề
22	Xây dựng nhà không để ở
23	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Hoạt động của các khu giải trí - Hoạt động của các cơ sở vận tải giải trí
24	Sản xuất điện
25	Xây dựng công trình điện Chi tiết: - Xây dựng, lắp đặt đường dây tải điện, trạm biến áp đến 220KV - Xây lắp đường dây và trạm biến thế điện đến 35KV
26	Truyền tải và phân phối điện Chi tiết: Phân phối điện
27	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác Chi tiết: - Hoạt động xây dựng chuyên dụng - Khoan phụt vữa xi măng, gia cố, chống thấm và xử lý nền móng công trình xây dựng; Chống thấm nền và thân đê, thân đập công trình thủy lợi, thủy điện
28	Xây dựng công trình công ích khác Chi tiết: - Xây dựng công trình công ích - Đầu tư kinh doanh nhà máy thủy điện, khu đô thị, hạ tầng khu công nghiệp, khu nhà cao tầng - Đầu tư, xây dựng công trình nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi, công nghiệp, dân dụng, giao thông, cơ sở hạ tầng nông thôn - Về xây dựng: Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn, xây dựng công trình thủy lợi: hồ đầu mối, kênh mương, kè và đập; Xây lắp các công trình dân dụng, hệ thống xử lý nước thải công nghiệp, nước sạch nông thôn và vệ sinh môi trường

29	<p>Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh - Về thương mại và dịch vụ: kinh doanh nội địa và xuất nhập khẩu các loại vật tư máy móc, thiết bị, hóa chất phục vụ nông nghiệp (trừ hóa chất Nhà nước cấm)
30	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hòa không khí
31	<p>Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình</p> <p>Chi tiết: Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao; Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh; Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác</p>
32	<p>Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép</p> <p>Chi tiết: Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép</p>
33	Hoạt động tư vấn quản lý (Không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kiểm toán, kế toán, chứng khoán)
34	<p>Lắp đặt hệ thống xây dựng khác</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lắp đặt hệ thống thang máy, cầu thang tự động, các loại cửa tự động, hệ thống đèn chiếu sáng, hệ thống hút bụi, hệ thống âm thanh và hệ thống thiết bị dùng cho vui chơi, giải trí - Lắp đặt hệ thống xây dựng
35	<p>Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp - Chế tạo và lắp đặt thiết bị và phụ tùng công trình thủy lợi, thủy điện; Chế tạo, sửa chữa và lắp đặt công trình nhà máy chế biến sản phẩm nông lâm nghiệp, chế tạo và lắp đặt công trình khung nhà kết cấu thép
36	<p>Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tư vấn, quảng cáo, quản lý bất động sản - Sàn giao dịch bất động sản - Định giá bất động sản - Môi giới bất động sản - Kinh doanh dịch vụ quản lý nhà chung cư
37	<p>Giáo dục mẫu giáo</p> <p>Chi tiết: Giáo dục mầm non</p>
38	Giáo dục tiểu học
39	Giáo dục trung học cơ sở
40	Giáo dục trung học phổ thông
41	<p>Đào tạo trung cấp</p> <p>Chi tiết: Giáo dục trung học chuyên nghiệp</p>
42	<p>Đào tạo cao đẳng</p> <p>Chi tiết: Giáo dục cao đẳng</p>

43	Đào tạo đại học Chi tiết: Giáo dục đại học
44	Đào tạo sơ cấp Chi tiết: Dạy nghề ngắn hạn, dài hạn trong lĩnh vực: kinh doanh và quản lý, máy tính, xây dựng, công nghệ kỹ thuật mỏ địa chất và chế biến lương thực, thực phẩm (chỉ được hoạt động sau khi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép)
45	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: - Kinh doanh vật liệu xây dựng, vật liệu điện và kim khí khác - Kinh doanh vật liệu xây dựng, gương, kính, ván nhân tạo
46	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Kinh doanh thiết bị và phụ tùng máy xây dựng
47	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Kinh doanh phương tiện vận tải
48	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ nhà hàng
49	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển Chi tiết: Cho thuê máy móc thiết bị
50	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Kinh doanh đại lý xăng dầu; Đại lý ký gửi hàng hóa
51	Xây dựng công trình thủy Chi tiết: Nạo vét sông ngòi, cửa sông, cửa biển
52	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao Chi tiết: Sản xuất bê tông đầm lăn và bê tông các loại
53	Xây dựng công trình đường sắt Chi tiết: Xây dựng giao thông đường sắt
54	Xây dựng công trình đường bộ Chi tiết: Xây dựng giao thông đường bộ
55	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp
56	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Thí nghiệm vật liệu xây dựng
57	Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Khai thác khoáng sản, tài nguyên; Khai thác vật liệu xây dựng (đất, đá, cát, sỏi) bao gồm cả khảo sát thăm dò và chế biến (trừ các loại khoáng sản Nhà nước cấm)
58	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: - Kinh doanh bất động sản - Cho thuê nhà ở, văn phòng làm việc, kho bãi, nhà xưởng
59	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Sản xuất vật liệu xây dựng, gương, kính, ván nhân tạo - Chế tạo vỏ bọc che công trình công nghiệp - Chế tạo tủ điện hạ thế, tủ điều khiển trung tâm phục vụ thủy lợi và công nghiệp chế biến

	<ul style="list-style-type: none"> - Về cơ khí và điện: chế tạo, sửa chữa, lắp đặt thiết bị phụ tùng cơ khí phục vụ cho ngành nông, lâm, diêm nghiệp, thủy lợi và xây dựng; Chế tạo thiết bị nâng hạ máy và thiết bị dây chuyền chế biến nông sản: cà phê, mía, đường, chè - Lắp ráp xe tải nhỏ phục vụ nông thôn - Sản xuất các loại bơm đến 8000m³/h
60	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Kinh doanh khách sạn (không bao gồm kinh doanh phòng hát karaoke, vũ trường, quán bar)
61	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Chế biến nông sản
62	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống Chi tiết: Kinh doanh nông lâm sản
63	Bán buôn gạo, lúa mì, hạt ngũ cốc khác, bột mì Chi tiết: Kinh doanh lương thực
64	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: Kinh doanh thực phẩm

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

3.1. Mô hình quản trị:

Quản trị trực tuyến chức năng.

3.2. Cơ cấu bộ máy quản lý:

a. Đại hội đồng cổ đông

Là cơ quan có thẩm quyền cao nhất trong Công ty có quyền quyết định mọi vấn đề quan trọng của Công ty theo luật Doanh nghiệp và điều lệ Công ty; bầu, miễn nhiệm cơ quan quản lý và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty.

b. Hội đồng quản trị

Được đại hội đồng cổ đông bầu ra để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích và quyền lợi của Công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền Đại hội đồng cổ đông quyết định.

c. Ban kiểm soát

Được đại hội đồng cổ đông bầu ra để kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty. Ban kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc.

d. Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị Công ty bổ nhiệm, gồm Tổng giám đốc và các phó Tổng giám đốc.

Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về các quyết định tổ chức và điều hành sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty.

Các phó tổng giám đốc chuyên môn chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc Công ty về lĩnh vực được phân công phụ trách.

e. Các phòng ban chuyên môn nghiệp vụ:

Trưởng các phòng ban chuyên môn nghiệp vụ chịu sự điều hành của Tổng giám đốc Công ty và chịu trách nhiệm trực tiếp trước Tổng giám đốc Công ty về các nhiệm vụ thuộc lĩnh vực phụ trách. Gồm các bộ phận tham mưu giúp việc cho ban Tổng giám đốc:

- Phòng Tổ chức - Hành chính
- Phòng Tài chính - kế toán
- Phòng Kế hoạch và đầu tư
- Ban đầu tư
- Ban Tài Chính
- Ban Thu hồi công nợ

f. Các chi nhánh:

Gồm các đơn vị hạch toán độc lập, Giám đốc chi nhánh chịu trách nhiệm trực tiếp trước Tổng giám đốc về việc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của chi nhánh:

- Chi nhánh Thanh Hoá
- Chi nhánh Miền Trung
- Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh
- Chi nhánh Tuyên Quang

g. Các ban trực thuộc:

- Ban chỉ huy công trường thi công gói thầu số 6 - Dự án Hồ chứa nước Bản Mòng
- Ban chỉ huy công trường thi công gói thầu số 1, 4 - Dự án Hồ chứa nước IAMOR
- Ban chỉ huy công trường thi công gói thầu 20 - Đập chính và đập phụ số 1 - Dự án HTTL Tân Mỹ, tỉnh Ninh Thuận
- Ban điều hành tổng thầu thi công xây lắp thủy điện Nậm Hóa 1.
- Ban điều hành tổng thầu thi công xây lắp CTTĐ Khánh Khê.
- Ban điều hành tổng thầu thi công xây lắp CTTĐ suối choang.
- Ban chỉ huy công trường thi công xây lắp CTTĐ Bình Long.

3.3. Các công ty con, công ty liên kết:

3.1. Các công ty con:

a. Công ty cổ phần khoáng sản Meco (MecoM):

- Giá trị góp vốn: Meco đầu tư 6,602 tỷ đồng, tỷ lệ quyền biểu quyết đạt 75,0 % tỷ lệ lợi ích là 92,05 %.

- Công ty cổ phần khoáng sản Meco (MecoM) được thành lập từ ngày 29/03/2010 (Căn cứ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) với các ngành nghề kinh doanh chính là: Khai thác quặng kim loại; Khai khoáng khác; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác; Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại; Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng; công trình giao thông, công trình công ích; San lấp mặt bằng công trình các loại; Bán buôn, bán lẻ vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Kho bãi và lưu trữ hàng hóa; Cho thuê xe có động cơ.

- Địa chỉ trụ sở chính : Thôn Đồng Lạt, xã Trung Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình

b. Công ty cổ phần Bất động sản Meco (MECOLAND):

- Giá trị góp vốn: Meco đã đầu tư 13,5 tỷ đồng, tỷ lệ quyền biểu quyết đạt 67,5%; Tỷ lệ lợi ích là 67,5%.

- Công ty cổ phần Bất động sản Meco (MECOLAND) được thành lập từ ngày 19 tháng 01 năm 2012 (Căn cứ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần) với các ngành nghề kinh doanh chính là: Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất; Quảng cáo; Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại; Hoạt động tư vấn quản lý; Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu; Xây dựng công trình công ích; Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Lắp đặt hệ thống xây dựng khác; Hoàn thiện công trình xây dựng; Chuẩn bị mặt bằng, Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa; Cho thuê xe có động cơ; Phá dỡ; Hoạt động thiết kế chuyên dụng; Kiểm tra và phân tích kỹ thuật; Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Môi giới bất động sản, định giá bất động sản, quản lý bất động sản.

- Địa chỉ trụ sở chính: Ngõ 102 Đường Trường Chinh, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội.

c. Công ty Cổ phần Cơ khí Văn Lâm :

- Giá trị góp vốn: Meco đã đầu tư 8,05 tỷ đồng, tỷ lệ quyền biểu quyết đạt 51,48%; Tỷ lệ lợi ích là 100%.

- Công Ty Cổ Phần Cơ Khí Văn Lâm thành lập ngày 20-09-2007 với các ngành nghề kinh doanh chính là: sản xuất Cơ điện; Xây dựng; Gia công cơ khí; Sản xuất các thiết bị nâng, hạ, bốc xếp; thiết bị phục vụ ngành xây dựng, công nghiệp, nông nghiệp, giao thông vận tải, cơ khí.....Đã và đang tham gia thi công nhiều công trình thủy lợi, thủy điện lớn...

- Địa chỉ trụ sở chính: Thôn Ngọc Loan, Xã Tân Quang, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên.

3.2. Các công ty liên kết:

a. Công ty cổ phần Đầu tư Thủy điện AnPha:

- Giá trị góp vốn: Meco đã đầu tư 206,08 tỷ đồng, tỷ lệ quyền biểu quyết chiếm 46% ; Tỷ lệ lợi ích là 46%.

- ANPHA-EL được thành lập từ ngày 06/04/2007 với các ngành nghề kinh doanh chính là: Sản xuất, kinh doanh điện năng; Sản xuất vật liệu xây dựng; Xây dựng các công trình trung, hạ áp và trạm biến áp đến 35KV; Xuất nhập khẩu, kinh doanh thiết bị công nghiệp điện, điện tử; Xây dựng công trình dân dụng; Xây dựng công trình giao thông; Xây dựng công trình công nghiệp; Xây dựng công trình thủy điện; Dịch vụ thương mại;

- Địa chỉ trụ sở chính : Số 214, đường Tô Hiệu, Thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La.

b. Công ty Xây dựng thủy lợi Meco Sài Gòn :

- Giá trị góp vốn: Meco đã đầu tư 4,207 tỷ đồng, tỷ lệ sở hữu của Meco là 28,05%; Tỷ lệ quyền biểu quyết đạt 28,05%.

- Công ty Xây dựng thủy lợi Meco Sài Gòn thành lập ngày 20-02-2007 với các ngành nghề kinh doanh chính là: Xây dựng công trình Thủy lợi, thủy điện, công trình giao thông và công trình xây dựng dân dụng

- Địa chỉ trụ sở chính: 205 Nguyễn Xí, phường 26 quận Bình Thạnh, TP Hồ Chí Minh.

4. Định hướng phát triển

*** Mục tiêu chủ yếu của MECO năm 2021:**

- Với mục tiêu phát triển ổn định - bền vững, Công ty tập trung mọi nguồn lực cho 2 ngành mũi nhọn là: Năng lượng và Bất động sản nhằm vươn đến sự phát triển vững mạnh trong tương lai.

- Phát huy thế mạnh trong lĩnh vực Xây lắp, Kinh doanh Bất động sản, Kinh doanh điện, Sản xuất công nghiệp theo chiều sâu.

- Tập trung chỉ đạo tổ chức công tác thu hồi vốn tại các công trình tồn đọng nhiều năm qua.

- Phát triển quản trị nguồn nhân lực để gia tăng giá trị đạt được các mục tiêu chiến lược của Công ty.

*** Chiến lược phát triển trung và dài hạn:**

- Đầu tư kinh doanh lĩnh vực Bất động sản:

+ Xin đầu tư vào ô đất 3.000m² tại dự án 102 Trường Chinh với chức năng dự kiến là: Trung tâm đỗ xe, văn hóa thể thao và giáo dục thể chất.

+ Tiếp tục tìm kiếm cơ hội đầu tư vào lĩnh vực Bất động sản khác.

- Đầu tư kinh doanh điện:

+ Tập trung tối đa các nguồn lực để hoàn thành và phát điện dự án thủy điện Nậm Hóa 1 (công suất 18MW) vào năm 2021.

- Xây dựng công nghiệp và dân dụng:

+ Đẩy nhanh tiến độ thi công của công trình thủy điện Nậm Hóa 1, huy động tối đa khả năng, năng lực của các nhà thầu trong việc đảm bảo tiến độ thi công theo kế hoạch.

+ Tập trung điều phối các nguồn lực để hoàn thành hai dự án thủy điện Bình Long - Cao Bằng, Công trình hồ chứa nước Bản Mòng - Sơn La và dự án thủy điện Suối Choang - Nghệ An.

- Sản xuất Công nghiệp:

+ Duy trì và phát huy sản xuất các sản phẩm cơ khí truyền thống.

+ Đẩy mạnh hoạt động tự chủ sản xuất kinh doanh tại Công ty CP Cơ khí Văn Lâm.

- Kinh doanh thương mại:

+ Quản lý chặt chẽ các hợp đồng thương mại theo nguyên tắc đảm bảo an toàn vốn và có hiệu quả. Lựa chọn kỹ càng các đối tác có năng lực, uy tín, trong hợp tác kinh doanh, tránh các đối tác chiếm dụng vốn của Công ty.

+ Lựa chọn đối tác liên doanh liên kết với có năng lực, uy tín, để tìm kiếm các công việc mới trên nguyên tắc phù hợp và phát huy năng lực nội tại của Công ty.

*** Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty:**

- Với mục tiêu đầu tư vào các dự án sử dụng nguồn năng lượng sạch, thân thiện với môi trường, các dự án trọng điểm của Công ty đều tập trung vào lĩnh vực xây dựng các công trình thủy điện, sử dụng nguồn năng lượng nước để sản xuất điện năng phục vụ đời sống sinh hoạt sản xuất kinh doanh của cộng đồng. Đặc biệt, các dự án thủy điện của Công ty được thực hiện ở các vùng sâu vùng xa, vùng có điều kiện khó khăn, nên tạo công ăn việc làm cho một bộ phận không nhỏ lao động phổ thông tại địa phương.

- Ngoài ra, Công ty cũng đã thực hiện nhiều chương trình vì cộng đồng như: ủng hộ các quỹ từ thiện, giúp đỡ vì người nghèo, ủng hộ đồng bào bão lũ,.....

5. Các rủi ro:

Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng Việt Nam là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xây dựng, đầu tư và kinh doanh bất động sản, cơ khí, thương mại và kinh doanh điện. Vì vậy, ngoài những rủi ro đặc thù của ngành, doanh nghiệp còn phải chịu những rủi ro chung trước những biến động bất thường của nền kinh tế. Những rủi ro có thể gây ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty:

- Rủi ro từ chính sách pháp luật của nhà nước: nhà nước thay đổi chính sách về thuế, tài chính, thu nhập - tiền lương... sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, phá vỡ mục tiêu kế hoạch công ty trong quá trình thực hiện. Để giảm thiểu từ sự thay đổi chính sách pháp luật của nhà nước, Công ty nâng cao khả năng cập nhật thay các chính sách cho các tiểu ban pháp chế, lập Ban kiểm soát nội bộ để kiểm soát sự thay đổi của chính sách, tư vấn kịp thời cho Ban giám đốc trong quá trình đưa ra các quyết định kinh doanh.

- Rủi ro từ Đại dịch Covit kéo dài đã ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty: Hoạt động sản xuất thi công tại các dự án không triển khai theo đúng tiến độ; Hoạt động kinh doanh thương mại bị ảnh hưởng nghiêm trọng, doanh thu giảm sút, giá trị Cho thuê mặt bằng, Kinh doanh điện nước của dự án 102 Trường Chinh và các kinh doanh thương mại khác.

- Rủi ro từ môi trường kinh doanh gồm những nhân tố: Lãi suất cho vay ngân hàng; diễn biến của thị trường bất động sản; Biến động tăng giá các yếu tố đầu vào; làm tăng chi phí ảnh hưởng đến lợi nhuận và hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty...

- Rủi ro hiện hữu trong doanh nghiệp:

+ Rủi ro về biến động nhân sự: Tình hình biến động về nhân sự có thể gây ảnh hưởng bất lợi đến mục tiêu sản xuất kinh doanh của công ty;

+ Rủi ro về hoạt động cung ứng của các nhà thầu phụ; nhà cung cấp, tất cả các yếu tố ảnh hưởng đến khả năng cung cấp của các nhà cung cấp có thể ảnh hưởng đến tiến độ thi công xây dựng công trình và ảnh hưởng đến hoạt động chung của công ty;

+ Rủi ro trong công tác huy động vốn; cân đối và sử dụng nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh;

+ Rủi ro trong quan hệ với khách hàng;

- Rủi ro trong hoạt động khai thác các dự án đầu tư.

II. Tình hình hoạt động trong năm:

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

Trong năm 2020, tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty được phản ánh qua các chỉ tiêu sau:

Chỉ tiêu (hợp nhất)	Kế hoạch năm 2020 (tỷ đồng)	Thực hiện năm 2020 (tỷ đồng)	% Hoàn thành kế hoạch
Tổng giá trị SXKD	240,576	190,973	79%
Tổng doanh thu	242,671	125,213	52%
Lợi nhuận sau thuế	3,472	(1,224)	

* Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Năm 2020, công ty chưa hoàn thành được các chỉ tiêu đề ra tại Đại hội cổ đông năm 2020 là do các nguyên nhân chủ yếu sau:

- Nguyên nhân khách quan:

- + Một số công trình phát sinh khối lượng dẫn đến phải ký PLHD với chủ đầu tư dẫn đến thời gian thi công kéo dài và tiến chậm như: Công trình Hồ chứa nước Bản Mòng, tỉnh Sơn La; Công trình thủy điện Nậm Hóa 1.
- + Công trình Khánh Khê đã thi công xong và đang làm quyết toán khối lượng, giá trị hoàn thành với chủ đầu tư.
- + Địa chất tại công trình có một số thay đổi so với khảo sát thiết kế ban đầu làm gia tăng chi phí và kéo dài thời gian thi công (công trình HCN Bản Mòng, tỉnh Sơn La).
- + Các chính sách tại địa phương liên quan đến hoạt động đầu tư chính sách về giải phóng mặt bằng cho các dự án khó khăn phức tạp, kéo dài thời gian hoàn thành công trình ảnh hưởng trực tiếp đến tiến độ hoàn thành dự án, tăng chi phí, thời hạn vay và trả nợ... của doanh nghiệp.
- + Ảnh hưởng của biến đổi khí hậu: Lượng nước tại Hồ thủy điện Nậm Hóa 2 bị giảm sút nghiêm trọng, công suất hoạt động không đạt, kế hoạch bảo dưỡng kỹ thuật các tổ máy phát điện cũng là nguyên nhân làm doanh thu phát điện 3 quý đầu năm giảm nhiều so năm trước và ghi nhận lỗ lớn trong sản xuất kinh doanh điện trong năm 2020.
- + Thời tiết tại các địa phương có công trình, dự án mà công ty đang triển khai thi công biến đổi phức tạp, ảnh hưởng trực tiếp đến việc hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh đã đề ra.
- + Đại dịch Covit kéo dài đã ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty: Hoạt động sản xuất thi công tại các dự án không triển khai theo đúng tiến độ; Hoạt động kinh doanh thương mại bị ảnh hưởng nghiêm trọng, doanh thu giảm sút, giá trị Cho thuê mặt bằng, Kinh doanh điện nước của dự án 102 Trường Chinh và các kinh doanh thương mại khác.

- Nguyên nhân chủ quan:

- + Do nhà thầu phụ, trong quá trình thi công cũng gặp nhiều khó khăn vì thiên tai, dịch bệnh, đã ảnh hưởng trực tiếp đến năng lực không còn đáp ứng điều kiện và yêu cầu thi công dẫn đến phải thay đổi, lựa chọn lại nhà thầu phụ thi công nên tiến độ thi công cũng bị ảnh hưởng nghiêm trọng.
- + Công tác thu hồi công nợ gặp rất nhiều khó khăn do các doanh nghiệp đang nợ cũng gặp khó khăn do ảnh hưởng của đại dịch Covit dẫn đến công tác thu hồi công nợ bị ảnh hưởng, không đạt yêu cầu đề ra.
- + Trong năm công ty đang kiện toàn phương pháp quản lý, tổ chức thi công... bước đầu chưa đạt được kết quả như mong muốn.
- + Một số công trình dự án (Công ty làm tổng thầu thi công) do sự căng thẳng về tài chính do quá trình đóng cửa giãn cách xã hội tác động làm đình trệ phần lớn dòng tài chính trên thị trường, dẫn đến hoạt động thu xếp vốn tài trợ cho hoạt động sản xuất kinh doanh đáp ứng yêu cầu của tiến độ Sản xuất gặp khó khăn hơn so với các giai đoạn trước: Công trình thủy điện Suối Choang, Công trình thủy điện Nậm Hóa và một số công trình khác.
- + Doanh thu lĩnh vực kinh doanh bất động sản không hoàn thành kế hoạch là do thủ tục pháp lý chuyển đổi một phần chức năng tòa văn phòng HH1B sang nhà ở để bán còn gặp vướng mắc về chính sách chung của các cơ quan quản lý nhà nước chưa thông suốt. Công ty lập kế hoạch thúc đẩy nhanh công tác hoàn thành thủ tục chuyển đổi trong năm 2021 để sớm ghi nhận phần doanh thu vào năm tới.

Công tác phân tích lập kế hoạch, cân đối nguồn vốn phục vụ các dự án còn chưa đáp ứng tiến độ thực hiện các dự án, công trình.

2. Tổ chức và nhân sự:

2.1. Danh sách Ban điều hành:

➤ **Danh sách Ban điều hành và tỷ lệ sở hữu cổ phần:**

Vốn điều lệ đầu kỳ, ngày 13/3/2020: 57.510.000.000 đồng

Vốn điều lệ đến thời điểm 18/3/2021: 57.510.000.000 đồng

STT	Họ tên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần đầu kỳ	Thay đổi tỷ lệ năm giữ
			(ngày 13/3/2020)	(tính đến ngày 18/3/2021)
1	Nguyễn Ngọc Bình	Chủ tịch HĐQT	8.998.880 cổ phần (17,29 % vốn điều lệ)	8.998.880 cổ phần (17,29 % vốn điều lệ)
2	Trần Hải Anh	TV HĐQT, Tổng GD	5.600 cổ phần (0,01% vốn điều lệ)	5.600 cổ phần (0,01% vốn điều lệ)
3	Nguyễn Văn Huyền	TV HĐQT, Phó TGD	26.400 cổ phần (0,05 % vốn điều lệ)	26.400 cổ phần (0,05 % vốn điều lệ)
4	Ngô Tuấn Anh	Phó TGD	0 cổ phần (0,0% vốn điều lệ)	0 cổ phần (0,0% vốn điều lệ)

5	Nguyễn Ngọc Hưng	Phó TGD	18.000 cổ phần (0,031% vốn điều lệ)	18.000 cổ phần (0,031% vốn điều lệ)
6	Nguyễn Thị Phương Ngọc	Phó TGD	0 cổ phần (0,0% vốn điều lệ)	0 cổ phần (0,0% vốn điều lệ)
7	Phạm Thị Chinh Lương	Kế toán trưởng	0 cổ phần (0,0% vốn điều lệ)	0 cổ phần (0,0% vốn điều lệ)
8	Đỗ Quang Tuấn	TV HĐQT độc lập	0 cổ phần (0,0% vốn điều lệ)	0 cổ phần (0,0% vốn điều lệ)
9	Trần Ngọc Chiến	TV HĐQT độc lập	0 cổ phần (0,0% vốn điều lệ)	0 cổ phần (0,0% vốn điều lệ)

*** Tóm tắt lý lịch Ban điều hành:**

➤ **Ông Nguyễn Ngọc Bình - Chủ tịch HĐQT.**

- Ngày sinh: 02/04/1957
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư chế tạo máy, Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh

Quá trình công tác: (Nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua)

Từ tháng năm/ đến tháng năm	Chức danh, chức vụ, đơn vị công tác (Đảng, chính quyền, đoàn thể)
Từ 02/1979 đến 9/1981	Giáo viên dạy nghề Trường CNKT bên cạnh Nhà máy Cơ khí NN I.
Từ 10/1981 đến 6/1986	Cán bộ phòng Cung tiêu Nhà máy Cơ khí Nông nghiệp I Hà Nội.
Từ 7/1986 đến 12/1992	Phó Phòng kinh doanh - Nhà máy Cơ khí Nông Nghiệp 1. Quản đốc phân xưởng cơ khí sửa chữa
Từ 01/1993 đến 03/2000	Giám đốc Xí nghiệp liên doanh kính Long Giang.
Từ 04/2000- 8/2002	Phó Giám đốc Công ty Cơ điện và Phát triển nông thôn.
Từ 09/2002- 04/2003	Giám đốc Công ty Cơ điện và Phát triển nông thôn.
Từ 05/2003 - 12/2003	Bí thư Đảng ủy, Giám đốc Công ty Cơ điện và Phát triển nông thôn.
Từ 01/2004 đến 6/2005	Bí thư Đảng ủy, Phó Tổng giám đốc Tổng Công ty Cơ điện XD NN và Thủy lợi - kiêm Giám đốc Công ty Cơ điện - Xây dựng NN&TL Hà Nội
Từ 07/2005 đến 10/2005	Quận ủy viên, Bí thư Đảng ủy, Phó Tổng giám đốc Tổng Công ty Cơ điện Xây dựng Nông nghiệp và Thủy lợi; Chủ tịch Hội đồng quản trị - kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng nay là Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng Việt Nam.
Từ 11/2005 đến 7/2008	Quận ủy viên, Bí thư Đảng ủy, Phó Tổng giám đốc Tổng Công ty Cơ điện Xây dựng Nông nghiệp và Thủy lợi; Chủ tịch Hội đồng quản trị - kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng nay là Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng Việt Nam.

Từ 08/2008 đến 01/2010	Quận ủy viên, Bí thư Đảng ủy, Phó Tổng giám đốc Tổng Công ty Cơ điện Xây dựng Nông nghiệp và Thủy lợi, Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng Việt Nam.
Từ 02/2010 đến 04/2010	Quận ủy viên, Phó Tổng giám đốc Tổng Công ty Cơ điện Xây dựng Nông nghiệp và Thủy lợi, Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng Việt Nam.
Từ 05/2010 đến 04/2011	Quận ủy viên, Phó Tổng giám đốc Tổng Công ty Cơ điện Xây dựng Nông nghiệp và Thủy lợi; Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng Việt Nam; Tổng giám đốc Công ty cổ phần Thiết bị phụ tùng Cơ điện.
Từ 04/2011 đến 8/2015	Quận ủy viên, Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng Việt Nam; Tổng giám đốc Công ty CP Thiết bị phụ tùng Cơ điện.
Từ 9/2015 đến 31/3/2018	Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng Việt Nam; Tổng giám đốc Công ty CP Thiết bị phụ tùng Cơ điện.
Từ 4/2018 đến 5/2020	Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng Việt Nam; Tổng giám đốc Công ty CP Thiết bị phụ tùng Cơ điện.
Từ 6/2020 đến 7/2020	Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng Việt Nam; Tổng giám đốc Công ty CP Thiết bị phụ tùng Cơ điện.
Từ 8/2020 đến 31/12/2020	Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng Việt Nam

- Chức vụ công tác hiện nay: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

➤ Ông Trần Hải Anh - Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc.

- Ngày sinh: 21/4/1976.

- Trình độ chuyên môn: Kiến trúc sư, Thạc sĩ kiến trúc sư.

Quá trình công tác: (Nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua)

Từ tháng năm/ đến tháng năm	Chức danh, chức vụ, đơn vị công tác (Đảng, chính quyền, đoàn thể)
Từ 10/1999 đến 12/2004	Giảng viên Trường Đại học dân lập Hải Phòng
Từ 04/2006 đến 02/2007	Kiến trúc sư, phòng Kỹ thuật - XD, Công ty CP Cơ điện và Xây dựng
Từ 03/2007 đến 06/2007	Thạc sĩ Kiến trúc giữ chức Phó giám đốc Xí nghiệp Xây lắp, Công ty cổ phần Cơ điện và Xây dựng
Từ 07/2007 đến 07/2008	Giám đốc Xí nghiệp Xây lắp, Công ty cổ phần Cơ điện và Xây dựng Việt Nam
Từ 08/2008 đến 03/2009	Tham gia Ban điều hành Công ty cổ phần BP Tư vấn và Đầu tư Xây dựng

Từ 04/2009 đến 8/2011	Thành viên Ban kiểm soát kiêm Phó Ban quản lý dự án 102 Trường Chinh, Công ty cổ phần Cơ điện và Xây dựng Việt Nam
Từ 9/2011 đến 4/2011	Trưởng Ban quản lý dự án 102 Trường Chinh, Công ty cổ phần Cơ điện và Xây dựng Việt Nam
Từ 5/2011 đến 12/2011	Giám đốc Ban quản lý các dự án đầu tư Bất động sản
Từ 01/2012 đến 3/2015	Phó Tổng giám đốc kiêm Giám đốc BQL các dự án đầu tư Bất động sản
Từ 4/2015 đến 6/2015	Ủy viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc kiêm Giám đốc Ban quản lý các dự án đầu tư Bất động sản
Từ 7/2015 đến 3/2018	Ủy viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc kiêm Giám đốc Khối Bất động sản Công ty cổ phần Cơ điện và Xây dựng Việt Nam
Từ 4/2018 đến 5/2020	Ủy viên HĐQT, Tổng giám đốc Công ty cổ phần Cơ điện và Xây dựng Việt Nam
Từ 6/2020 đến 31/12/2020	Phó Bí thư Đảng ủy, Ủy viên HĐQT, Tổng giám đốc Công ty cổ phần Cơ điện và Xây dựng Việt Nam

- Chức vụ công tác: Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc Công ty.

➤ Ông Nguyễn Văn Huyền - Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc.

- Ngày sinh: 15/06/1971

- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Kinh tế Thủy lợi

Quá trình công tác: (Nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua)

Từ tháng năm/ đến tháng năm	Chức danh, chức vụ, đơn vị công tác (Đảng, chính quyền, đoàn thể)
Từ 04/1996 đến 08/1999	Cán bộ kỹ thuật - Tổng công ty Xây dựng Thủy lợi 4
Từ 07/2000 đến 02/2003	Trưởng BCH công trình, trưởng ban Kế hoạch và Kinh doanh - Xí nghiệp XD và Đầu tư hạ tầng, Công ty thi công cơ giới
Từ 02/2003 đến 03/2005	Cán bộ Kỹ thuật, Ban quản lý dự án thủy lợi 4
Từ 03/2005 đến 06/2006	Phó phòng Kỹ thuật dự án thủy điện PleiKrông – Ban quản lý dự án thủy điện 4
Từ 06/2006 đến 02/2009	Phó trưởng phòng Kỹ thuật, phụ trách Kỹ thuật thủy điện PleiKrông, SêSan 4, Ban quản lý dự án thủy lợi 4
Từ 03/2009 đến 06/2009	Phó giám đốc Chi nhánh Công ty cổ phần Cơ điện và Xây dựng Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh
Từ 07/2009 đến 31/12/2020	Đảng ủy viên, Ủy viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng giám đốc, Giám đốc Khối Xây lắp Công ty cổ phần Cơ điện và Xây dựng Việt Nam, kiêm Giám đốc Chi nhánh Công ty tại thành phố Hồ Chí Minh

- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên HĐQT, Phó TGĐ Công ty, kiêm Giám đốc Khối Xây lắp.

➤ Ông Ngô Tuấn Anh - Phó Tổng Giám đốc.

- Ngày sinh: 14/10/1967
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Thủy lợi; Thạc sĩ kinh tế TNTN và MT.

Quá trình công tác: (Nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua)

Từ tháng năm/ đến tháng năm	Chức danh, chức vụ, đơn vị công tác (Đảng, chính quyền, đoàn thể)
Từ 7/1991 đến 01/1997	Phụ trách đội cơ giới, Công ty xây dựng thủy lợi 2.
Từ 01/1997 đến 6/1997	Phòng Kỹ thuật, Công ty Cơ khí điện thủy lợi.
Từ 06/1997 đến 6/2002	Cán bộ phòng Kinh tế, Kỹ thuật đấu thầu, Tổng công ty Cơ điện Xây dựng Nông nghiệp và Thủy lợi.
Từ 6/2002 đến 3/2010	Trưởng phòng Đấu thầu - Thi công, Tổng công ty Cơ điện Xây dựng Nông nghiệp và Thủy lợi.
Từ 3/2010 đến 11/2010	Giám đốc Trung tâm nghiên cứu tư vấn Cơ điện xây dựng, Tổng công ty Cơ điện Xây dựng Nông nghiệp và Thủy lợi.
Từ 12/2010 đến 31/12/2020	Đảng ủy viên, Phó tổng giám đốc, Giám đốc Khối Cơ điện Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng Việt Nam.

- Chức vụ công tác hiện nay: Phó tổng giám đốc Công ty, kiêm Giám đốc Khối Cơ điện.

➤ Ông Nguyễn Ngọc Hưng - Phó Tổng giám đốc Công ty.

- Ngày sinh: 17/04/1977
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân QTKD chuyên ngành Kế toán kiểm toán, Thạc sĩ Tài chính KT.

Quá trình công tác: (Nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua)

Từ tháng năm/ đến tháng năm	Chức danh, chức vụ, đơn vị công tác (Đảng, chính quyền, đoàn thể)
Từ 07/2000 đến 04/2003	Nhân viên Phòng Kế toán - Xí nghiệp Liên doanh kính Long Giang.
Từ 05/2003 đến 03/2005	Kế toán trưởng - Xí nghiệp liên doanh kính Long Giang.
Từ 04/2005 đến 10/2005	Chuyên viên phòng Tài chính kế toán Công ty Cơ điện Xây dựng Nông nghiệp và Thủy lợi Hà Nội.
Từ 11/2005 đến 7/2006	Phó phòng Tài chính kế toán Công ty Cơ điện Xây dựng Nông nghiệp và Thủy lợi Hà Nội.
Từ 8/2006 đến 06/2008	Phó phòng Tài chính kế toán Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng (nay là Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng Việt Nam).
Từ 07/2008 đến 04/2009	Trưởng Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng Việt Nam.

Từ 05/2009 đến 5/2013	Trưởng Ban kiểm soát, Chủ tịch Công đoàn Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng Việt Nam.
Từ 6/2013 đến 3/2015	Phó Tổng giám đốc, Chủ tịch Công đoàn Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng Việt Nam.
Từ 4/2015 đến 3/2015	Ủy viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng giám đốc, Chủ tịch Công đoàn Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng Việt Nam.
Từ 4/2015 đến 3/2018	Ủy viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Chủ tịch Công đoàn Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng Việt Nam.
Từ 3/2018 đến 5/2020	Ủy viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng giám đốc, Chủ tịch Công đoàn Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng Việt Nam.
Từ 6/2020 đến 31/12/2020	Bí thư Đảng ủy, Phó Tổng giám đốc, Chủ tịch Công đoàn Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng Việt Nam.

- Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng giám đốc, Chủ tịch Công đoàn Công ty.

➤ Bà Nguyễn Thị Phương Ngọc - Phó Tổng giám đốc Công ty.

- Ngày sinh: 06/01/1982.

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế, Thạc sĩ khoa học ngành Ngân hàng và tiền tệ quốc tế.

Quá trình công tác: (Nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua)

Từ tháng năm/ đến tháng năm	Chức danh, chức vụ, đơn vị công tác (Đảng, chính quyền, đoàn thể)
Từ 3/2007 đến 3/2010	Nhân viên Ngân hàng LD VID Public bank
Từ 02/2011 đến 10/2011	Nhân viên Sàn giao dịch Bất động sản Meco thuộc Công ty CP Cơ điện và Xây dựng Việt Nam
Từ 10/2011 đến 11/2013	Tổ trưởng Tổ môi giới giao dịch hàng hóa trực thuộc Công ty CP Cơ điện và Xây dựng Việt Nam
Từ 12/2013 đến 8/2014	CBNV Công ty cổ phần Bất động sản Meco
Từ 9/2014 đến 12/2015	Phó giám đốc Sàn giao dịch Bất động sản Meco trực thuộc Công ty CP Cơ điện và Xây dựng Việt Nam
Từ 01/2016 đến 5/2020	Phó Tổng giám đốc Công ty CP Cơ điện và Xây dựng Việt Nam
Từ 6/2020 đến 31/12/2020	Đảng ủy viên, Phó Tổng giám đốc Công ty CP Cơ điện và Xây dựng Việt Nam

- Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng giám đốc Công ty.

➤ Bà Phạm Thị Chinh Lương - Kế toán trưởng Công ty.

- Ngày sinh: 19/10/1979.
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế.

Quá trình công tác: (Nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua)

Từ tháng năm/ đến tháng năm	Chức danh, chức vụ, đơn vị công tác (Đảng, chính quyền, đoàn thể)
Từ 08/2001 đến 04/2003	Nhân viên Chi nhánh Gia Lâm thuộc Công ty XNK Tổng hợp và chuyên giao công nghệ Việt Nam
Từ 04/2003 đến 08/2008	Nhân viên phòng Kế toán tài chính Công ty Cơ điện và phát triển nông thôn (nay là Công ty CP Cơ điện và Xây dựng Việt Nam)
Từ 09/2008 đến 3/2015	Phó trưởng phòng Tài chính Kế toán, Công ty cổ phần cơ điện và xây dựng Việt Nam
Từ 04/2015 đến 4/2015	Phó trưởng phòng Tài chính Kế toán, Công ty cổ phần cơ điện và xây dựng Việt Nam, Bí thư Chi bộ Khối văn phòng
Từ 05/2015 đến 3/2018	Phó trưởng phòng Tài chính Kế toán, Công ty cổ phần cơ điện và xây dựng Việt Nam, Bí thư Chi bộ Khối văn phòng, Ủy viên UBKT, Ủy viên Ban chấp hành Đảng bộ Công ty CP Cơ điện và Xây dựng Việt Nam
Từ 04/2018 đến nay	Kế toán trưởng, Trưởng phòng Tài chính kế toán, Công ty cổ phần Cơ điện và Xây dựng Việt Nam.

- Chức vụ công tác hiện nay: Kế toán trưởng Công ty.

➤ Ông Đỗ Quang Tuấn - Thành viên HĐQT độc lập.

- Ngày sinh: 19/03/1969
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính.

Quá trình công tác: (Nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua)

Từ tháng năm/ đến tháng năm	Chức danh, chức vụ, đơn vị công tác (Đảng, chính quyền, đoàn thể)
1/1990-3/1997	Cán bộ Tài chính-Kế toán tại Liên hiệp xí nghiệp xe đạp, xe máy Hà Nội
4/1997-1/2002	Chuyên viên Kế hoạch tài chính tại Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội
1/2002-5/2002	Trợ lý Tổng giám đốc kiêm Trưởng phòng kinh doanh Công ty liên doanh kính Long Giang
6/2002-04/2006	Kế toán trưởng Công ty cổ phần cơ điện và xây dựng Việt Nam
05/2006-12/2006	Phó tổng giám đốc Công ty cổ phần cơ điện và xây dựng Việt Nam.
01/2007 - 8/2010	Phó tổng giám đốc Công ty cổ phần cơ điện và xây dựng Việt Nam kiêm Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần cơ điện và xây dựng Hòa Bình

09/2010 - 3/2019	Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần cơ điện và xây dựng Hòa Bình
4/2019 - đến nay	Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần cơ điện và xây dựng Hòa Bình Thành viên HĐQT độc lập - Công ty CP Cơ điện và Xây dựng Việt Nam

- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên HĐQT độc lập.

➤ **Ông Trần Ngọc Chiến - Thành viên HĐQT độc lập.**

- Ngày sinh: 18/11/1965

- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Chế tạo máy

Quá trình công tác: (Nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua)

Từ tháng năm/ đến tháng năm	Chức danh, chức vụ, đơn vị công tác (Đảng, chính quyền, đoàn thể)
Từ 06/1988 - 02/1989	Xưởng Cơ khí; Đội xây lắp điện 1 - Cty XLĐ4
Từ 02/1989 - 10/1990	Phòng Kinh tế, Kỹ thuật XN Bê tông ly tâm và xây dựng điện (XNBTLT&XDĐ) - Cty XLĐ4
Từ 04/1995 - 08/1996	Phó đội trưởng Đội xây lắp trạm và đường dây - XNBTLT&XDĐ - Cty XLĐ4
Từ 08/1996 - 09/1996	Phó đội trưởng phụ trách Đội xây lắp đường dây 2 - XNBTLT&XDĐ - Cty XLĐ4
Từ 09/1996 - 09/1999	Đội trưởng Đội xây lắp đường dây 2 - XNBTLT&XDĐ - Cty XLĐ4
Từ 09/1999 - 04/2000	Phó trưởng phòng Kinh tế Kế hoạch - XNBTLT&XDĐ - Cty XLĐ4
Từ 04/2000 - 09/2004	Phó trưởng ban, phụ trách Ban Tư vấn đền bù - Cty XLĐ4
Từ 10/2004 - 01/2005	Phó trưởng phòng, phụ trách Phòng Quản lý đầu tư - Cty XLĐ4
Từ 02/2005 - 04/2006	Trưởng phòng Quản lý đầu tư - Cty XLĐ4
Từ 04/2006 - 10/2006	Phó trưởng phòng Quản lý đầu tư - Cty TNHH MTV Xây lắp điện 4
Từ 10/2006 - 06/2007	Phó trưởng phòng Kinh tế, Kế hoạch, Đầu tư - Cty TNHH MTV Xây lắp điện 4
Từ 06/2007 - 19/5/2009	Phụ trách phòng Kỹ thuật, Công nghệ - Trung tâm hỗ trợ kỹ thuật DNNVV tại Hà Nội
Từ 5/2009 - 05/8/2013	Phụ trách phòng, Trưởng phòng Tư vấn - Trung tâm hỗ trợ DNNVV phía Bắc
Từ 05/8/2013 - 6/2020	Phó Giám đốc - Trung tâm hỗ trợ DNNVV phía Bắc
Từ 6/2020 đến nay	Phó Giám đốc - Trung tâm hỗ trợ DNNVV phía Bắc Thành viên HĐQT độc lập - Công ty CP Cơ điện và Xây dựng Việt Nam

- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên HĐQT độc lập.

2.2. Những thay đổi trong Ban điều hành: Không.

2.3. Số lượng cán bộ, nhân viên:

- Số lao động tại thời điểm 31/12/2020: 53 người.

Phân theo trình độ:

+ Đại học và trên đại học : 38 người

+ Cao đẳng và trung cấp : 02 người

+ Công nhân kỹ thuật : 13 người

- Thu nhập bình quân năm 2020: 12.250.000 đ/người/tháng.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

- a. Dự án BĐS 102 Trường Chinh (Meco Complex đã hoàn thành từ năm 2014 tiếp tục mang lại nguồn thu cho công ty trong hoạt động cho thuê văn phòng, thương mại, kinh doanh điện. Công ty tiếp tục hoàn thiện các giấy tờ văn bản pháp lý xin chuyển đổi một phần chức năng tòa văn phòng HH1B sang nhà ở để bán.
- b. Đang xin đầu tư, điều chỉnh quy hoạch ô đất 3.000m² tại dự án 102 Trường Chinh với chức năng dự kiến là trung tâm đỗ xe, văn hóa thể thao và giáo dục thể chất.
- c. Tìm kiếm các dự án đầu tư khác như: Bất động sản, năng lượng sạch (điện gió Nguyễn Bình, Cao Bằng và điện mặt trời Bình Thuận) và dự án thủy điện (Thủy điện Mỹ Hưng, tỉnh Cao Bằng).
- d. Tiếp tục đầu tư: thủy điện Nậm Hóa 1, thủy điện Bình Long, HCN Bản Mòng.
- e. Tiếp tục thoái vốn tại một số công ty liên kết.

4. Tình hình tài chính:

a. Tình hình tài chính:

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	1.736.046	983.630	-43,34%
Doanh thuần	118.938	125.213	5,28%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	6.415	(2.858)	-144,55%
Lợi nhuận khác	(1.985)	1.634	182,34%
Lợi nhuận trước thuế	4.430	(1.224)	-127,62%
Lợi nhuận sau thuế	4.422	(1.224)	-127,67%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức			

b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	1,11	1,31	
+ Hệ số thanh toán nhanh	0,01		
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	73,16%	75,14%	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	272,55%	302,29%	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho (giá vốn hàng bán/hàng tồn kho bình quân)	0,31	0,36	
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	6,85%	12,73%	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu	3,72%	-0,98%	
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,95%	-0,50%	
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,25%	-0,12%	
+ Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	5,39%	-2,28%	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

a. Cổ phần:

- Cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu thường) : 57.510.000 cổ phiếu.
- Trong đó: + Tổng số cổ phiếu lưu hành : 52.050.000 cổ phiếu
- + Cổ phiếu quỹ : 5.460.000 cổ phiếu phổ thông
- Cổ phiếu ưu đãi: không có.

b. Cơ cấu cổ đông:

* Tỷ lệ sở hữu vốn (tại thời điểm 18/3/2021):

Danh mục	Cổ đông trong nước		Cổ đông nước ngoài		Tổng	
	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)
Tổng vốn đầu tư CSH						
Cổ đông Nhà nước	3.023.000.000	0,53%			3.023.000.000	0,53%
Cổ đông sáng lập						
Cổ đông lớn sở hữu từ 5% trở lên	234.374.770.000	40,75%			234.374.770.000	40,75%
Cổ đông sở hữu từ 1 đến dưới 5%	134.982.420.000	23,47%	26.000.000.000	4,52%	160.982.420.000	27,99%
Cổ đông sở hữu dưới 1 %	120.060.510.000	20,88%	259.300.000	0,045%	120.319.810.000	20,92%
Công đoàn Công ty	800.000.000	0,14%			800.000.000	0,14%
Cổ phiếu quỹ	54.600.000.000	9,49%			54.600.000.000	9,49%

* Tỷ lệ cổ đông sở hữu (tại thời điểm 18/3/2021):

STT	Danh mục	SL Cổ phiếu	Tỷ lệ %	Số lượng cổ đông	Cơ cấu cổ đông (người)	
					Tổ chức	Cá nhân
Tổng số lượng cổ phiếu						
1	Cổ đông lớn (sở hữu từ 5% cp trở lên)	23.437.477	40,75%	5		5
	- Trong nước	23.437.477	40,75%	5		5
	- Nước ngoài					
2	Cổ đông là nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp (sở hữu < 5%)	82.408	0,14	34	34	
	- Trong nước	827	0,00	28	28	
	- Nước ngoài	81.581	0,14	6	6	
3	Cổ đông khác	28.130.223	48,91	1.627	9	1.618
	- Trong nước	28.020.645	48,72	1.617	8	1.609

	- Nước ngoài		27.170	0,19	10	1	9
4	Cổ đông Nhà nước		302.300	0,53%	1		
5	Công đoàn Công ty		80,000	0,14%	1		
6	Cổ phiếu quỹ		5,460,000	9,49%	1		

c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không thay đổi.

d. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không.

Số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại: 5.460.000 cổ phiếu phổ thông.

e. Các chứng khoán khác: Không có.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty:

6.1. Tác động lên môi trường: Không.

6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm: Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực đầu tư và xây dựng, nguyên liệu vật liệu phục vụ cho quá trình sản xuất thi công các công trình thủy điện và xây dựng dân dụng là thép xây dựng, nhựa đường, cát, đá, xi măng, tôn, các loại vật liệu hoàn thiện và hệ thống cơ điện để phục vụ cho thi công.

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: một phần tái chế.

6.3. Tiêu thụ năng lượng:

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp: sử dụng nguồn năng lượng điện và xăng dầu cho công tác sản xuất thi công.

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả:

- Với công trình xây dựng dân dụng: Công ty đã áp dụng các hệ thống điều khiển tòa nhà thông minh và hệ thống xử lý nước thải hiệu quả để giảm thiểu chi phí, tiết kiệm năng lượng.

- Với các công trình thủy lợi: là một công ty với các công trình trọng điểm là về lĩnh vực thủy điện và vận hành các nhà máy thủy điện nên tiêu chí tiết kiệm năng lượng được đặt lên hàng đầu. Công ty đã có các sáng kiến mới trong việc tiết kiệm năng lượng điện, tránh lãng phí và sử dụng có hiệu quả.

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo), báo cáo kết quả của các sáng kiến này.

Các công trình thi công của công ty đều đạt kỹ thuật xây dựng chất lượng cao

6.4. Tiêu thụ nước:

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng: Nước sạch Sông Đà

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: Không tái sử dụng

6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường:

Không bị xử phạt

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có.

6.6. Chính sách liên quan đến người lao động:

. Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

Các chính sách đãi ngộ và phúc lợi vẫn được duy trì liên tục tại Meco, đồng thời có bổ sung một số chế độ mới trong năm qua nhằm khuyến khích sức sáng tạo, sự cống hiến lâu dài của tập thể CBCNV, nhất là lực lượng nhân sự chủ chốt.

Chế độ lương theo ngạch bậc vẫn được triển khai tại Meco đồng thời tuy nhiên nhằm đảm bảo mức thu nhập công bằng, tương xứng với năng lực của từng cá nhân, hàng tháng Meco áp dụng chính sách đánh giá kết quả công việc hàng tháng của từng cá nhân để xét trả lương thưởng, chính sách này thúc đẩy cán bộ công nhân viên nỗ lực nhiều hơn để đạt mức thu nhập tốt hơn.

Ngoài lương thưởng và phụ cấp, Meco vẫn thực hiện đầy đủ chế độ phúc lợi cho CBCNV theo quy định của Nhà nước như bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, khám sức khỏe định kỳ.

Meco xây dựng nhiều chương trình chăm lo đời sống CBCNV như tổ chức tham quan, nghỉ mát cho CBCNV và người thân; tổ chức sinh nhật, tặng quà cho CBCNV trong Công ty; tri ân cán bộ CNV đã nghỉ hưu trí; Đảm bảo nơi ăn chốn ở, điều kiện sinh hoạt cơ bản cho cán bộ công nhân làm việc tại Các công trình để CBCNV yên tâm dồn sức, tập trung cho công việc.

Các hoạt động của tổ chức đoàn thanh niên, công đoàn, phụ nữ đều được Công ty quan tâm tạo điều kiện hoạt động.

6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:

Bên cạnh việc thực hiện các chỉ tiêu, kế hoạch sản xuất kinh doanh, Ban lãnh đạo Công ty và BCH Công đoàn Công ty còn phối hợp với Công đoàn cấp trên quan tâm, ủng hộ đồng bào các vùng bị lũ lụt, ủng hộ một số hoàn cảnh khó khăn tại địa phương nơi có công trình do Công ty thi công. Những việc làm này không những cho thấy truyền thống tốt đẹp của dân tộc, mà còn thể hiện giá trị văn hóa của doanh nghiệp là nền tảng quan trọng cho sự phát triển ổn định và bền vững.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng giám đốc:

1. Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh

1.1. Các chỉ tiêu kết quả sản xuất kinh doanh đạt được năm 2020

Tổng kết năm 2020 Công ty đã thực hiện được kết quả sản xuất kinh doanh trên các chỉ tiêu sau:

Chỉ tiêu (hợp nhất)	Kế hoạch năm 2020 (tỷ đồng)	Thực hiện năm 2020 (tỷ đồng)	% Hoàn thành kế hoạch
Tổng giá trị SXKD	240,576	190,973	79%
Tổng doanh thu	242,671	125,213	52%
Lợi nhuận sau thuế	3,472	(1,224)	

1.2. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2020, Công ty chưa hoàn thành được các chỉ tiêu đề ra tại Đại hội cổ đông năm 2020, do các nguyên nhân chủ yếu sau:

- Nguyên nhân khách quan:

- + Một số công trình phát sinh khối lượng dẫn đến phải ký PLHĐ với chủ đầu tư dẫn đến thời gian thi công kéo dài và tiến chậm như: Công trình Hồ chứa nước Bản Mòng, tỉnh Sơn La; Công trình thủy điện Nậm Hóa 1.
- + Công trình Khánh Khê đã thi công xong và đang làm quyết toán khối lượng, giá trị hoàn thành với chủ đầu tư.
- + Địa chất tại công trình có một số thay đổi so với khảo sát thiết kế ban đầu làm gia tăng chi phí và kéo dài thời gian thi công (công trình HCN Bản Mòng, tỉnh Sơn La).
- + Các chính sách tại địa phương liên quan đến hoạt động đầu tư chính sách về giải phóng mặt bằng cho các dự án khó khăn phức tạp, kéo dài thời gian hoàn thành công trình ảnh hưởng trực tiếp đến tiến độ hoàn thành dự án, tăng chi phí, thời hạn vay và trả nợ... của doanh nghiệp.
- + Ảnh hưởng của biến đổi khí hậu: Lượng nước tại Hồ thủy điện Nậm Hóa 2 bị giảm sút nghiêm trọng, công suất hoạt động không đạt, kế hoạch bảo dưỡng kỹ thuật các tổ máy phát điện cũng là nguyên nhân làm doanh thu phát điện 3 quý đầu năm giảm nhiều so năm trước và ghi nhận lỗ lớn trong sản xuất kinh doanh điện trong năm 2020.
- + Thời tiết tại các địa phương có công trình, dự án mà công ty đang triển khai thi công biến đổi phức tạp, ảnh hưởng trực tiếp đến việc hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh đã đề ra.
- + Đại dịch Covid kéo dài đã ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty: Hoạt động sản xuất thi công tại các dự án không triển khai theo đúng tiến độ; Hoạt động kinh doanh thương mại bị ảnh hưởng nghiêm trọng, doanh thu giảm sút, giá trị Cho thuê mặt bằng, Kinh doanh điện nước của dự án 102 Trường Chinh và các kinh doanh thương mại khác.

- Nguyên nhân chủ quan:

- + Do nhà thầu phụ, trong quá trình thi công cũng gặp nhiều khó khăn vì thiên tai, dịch bệnh, đã ảnh hưởng trực tiếp đến năng lực không còn đáp ứng điều kiện và yêu cầu thi công dẫn đến phải thay đổi, lựa chọn lại nhà thầu phụ thi công nên tiến độ thi công cũng bị ảnh hưởng nghiêm trọng.

- + Công tác thu hồi công nợ gặp rất nhiều khó khăn do các doanh nghiệp đang nợ cũng gặp khó khăn do ảnh hưởng của đại dịch Covid dẫn đến công tác thu hồi công nợ bị ảnh hưởng, không đạt yêu cầu đề ra.
- + Trong năm công ty đang kiện toàn phương pháp quản lý, tổ chức thi công... bước đầu chưa đạt được kết quả như mong muốn.
- + Một số công trình dự án (Công ty làm tổng thầu thi công) do sự căng thẳng về tài chính do quá trình đóng cửa giãn cách xã hội tác động làm đình trệ phần lớn dòng tài chính trên thị trường, dẫn đến hoạt động thu xếp vốn tài trợ cho hoạt động sản xuất kinh doanh đáp ứng yêu cầu của tiến độ Sản xuất gặp khó khăn hơn so với các giai đoạn trước: Công trình thủy điện Suối Choang, Công trình thủy điện Nậm Hóa và một số công trình khác.
- + Doanh thu lĩnh vực kinh doanh bất động sản không hoàn thành kế hoạch là do thủ tục pháp lý chuyển đổi một phần chức năng tòa văn phòng HH1B sang nhà ở để bán còn gặp vướng mắc về chính sách chung của các cơ quan quản lý nhà nước chưa thông suốt. Công ty lập kế hoạch thúc đẩy nhanh công tác hoàn thành thủ tục chuyển đổi trong năm 2021 để sớm ghi nhận phần doanh thu vào năm tới.
- + Công tác phân tích lập kế hoạch, cân đối nguồn vốn phục vụ các dự án còn chưa đáp ứng tiến độ thực hiện các dự án, công trình.

2. Tình hình tài chính:

a. Tình hình tài sản:

Cơ cấu tài sản	Năm 2019	Năm 2020	Ghi chú
Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	38,64%	67,85%	
Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	61,36%	32,15%	

Tại thời điểm 31/12/2020, Tổng tài sản được ghi nhận là 983,630 triệu đồng, giảm 43.34 % so với cùng kỳ năm trước. Tỷ suất sinh lời trên Tổng tài sản giảm 0.12 %. Các khoản phải thu khách hàng giảm từ 406.75 tỷ xuống 256.75 tỷ đồng.

Số dư trích lập dự phòng phải thu khó đòi tại thời điểm 31/12/2020 là 114,080 triệu đồng chiếm 44.43 % số dư phải thu khách hàng.

b) Tình hình nợ phải trả:

Cơ cấu vốn	Năm 2019	Năm 2020	Ghi chú
Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	73,16%	75,14%	
Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	26,84%	24,86%	

Tại thời điểm 31/12/2020 tổng các khoản vay phải trả lãi giảm từ 485,501 triệu đồng xuống 32,466 triệu đồng. Trong đó vay ngắn hạn giảm 18,910 triệu đồng, vay dài hạn giảm 434,125 triệu đồng. Do không còn hợp nhất toàn phần với Công ty CP đầu tư thủy điện An Pha vì giảm 5% vốn góp tại Công ty này.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

- Công ty đã mạnh dạn trong tiến hành giải thể và sáp nhập các đơn vị và chi nhánh hoạt động không có hiệu quả;
- Cơ cấu, định biên lại các phòng ban chức năng đảm bảo phù hợp với quy mô sản xuất và phương thức quản lý theo mô hình mới;
- Kiện toàn, sắp xếp lại các Ban chủ huy và đội sản xuất nhằm đảm bảo quy mô sản xuất thực tế tại các công trường;

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

Căn cứ vào khả năng, năng lực SXKD của công ty và các hợp đồng đã kí với đối tác, HĐQT và BĐH Công ty xây dựng kế hoạch SXKD cho năm tài chính 2021 (niên độ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến hết 31/12/2021) như sau:

Đơn vị tính: Tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu	Hợp nhất		
		Thực hiện năm 2020	Kế hoạch năm 2021	Tỷ lệ % so với kế hoạch năm
	A	1	2	3= 2/1
1	SẢN LƯỢNG	185,394	135,700	73%
-	Xây dựng	90,689	78,537	87%
-	SX công nghiệp ; thương mại và dịch vụ	84,508	57,163	68%
-	Kinh doanh sản xuất điện	10,197		
2	DOANH THU	125,213	174,019	139%
-	Xây dựng	62,448	102,440	164%
-	SX công nghiệp ; thương mại và dịch vụ	52,568	71,579	136%
-	Kinh doanh sản xuất điện	10,197		
3	LỢI NHUẬN SAU THUẾ	(1,224)	6,470	

Để thực hiện thành công kế hoạch nêu trên, HĐQT và BĐH Công ty đề ra các giải pháp cần thiết để hoàn thành các mục tiêu kế hoạch 2021, cụ thể sau:

4.1. Nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty

4.1.1. Về điều hành trực tiếp hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Tập trung chỉ đạo và điều hành thi công xây lắp Dự án thủy điện Nậm Hóa 1, hoàn thành và phát điện thương mại trong quý II năm 2021.

- b. Tập trung chỉ đạo và điều hành thi công xây lắp Dự án Hồ chứa nước Bản Mòng tỉnh Sơn La, hoàn thành trong Quý I năm 2021.
- c. Tập trung đẩy mạnh thi công công trình thủy điện Bình Long tỉnh Cao Bằng, hoàn thành kế hoạch, tiến độ năm 2021 đã đặt ra và hoàn thành công trình bàn giao cho Chủ đầu tư phát điện thương mại trong quý III năm 2022.
- d. Tập trung chỉ đạo đẩy nhanh thời gian hoàn thiện thủ tục pháp lý chuyển đổi một phần chức năng khối văn phòng thành nhà ở để bán.

4.1.2. Đầu tư 2021

- Tiếp tục xin đầu tư và điều chỉnh quy hoạch, chuyển đổi mục đích sử dụng ô đất 3.000m² tại dự án 102 Trường Chinh.
- Tìm kiếm các dự án đầu tư khác như: Bất động sản, năng lượng sạch (điện gió Nguyên Bình, Cao Bằng và điện mặt trời Bình Thuận) và dự án thủy điện (Thủy điện Mỹ Hưng, tỉnh Cao Bằng).

4.1.3. Về công tác tài chính

- Cân đối tài chính kịp thời, ưu tiên các dự án trọng điểm và có hiệu quả rõ ràng.
- Thành lập các ban chuyên trách để quyết định phê duyệt, bổ sung nhân sự, công cụ, biện pháp thu hồi công nợ nhằm tăng cường hiệu quả của công tác thu hồi công nợ.

4.2. Hoàn thiện hệ thống quản lý và nhân sự Công ty

- Tiếp tục xây dựng văn hóa và giữ vững thương hiệu Meco.
- Hoàn thiện quy chế tài chính, quy chế khoán quản, quy chế lương thưởng.

4.3. Công tác quản trị

- Quản trị Nhân sự: Theo hướng tinh gọn, hiệu quả, phân công quản lý phụ trách theo lĩnh vực, ngành, khối nhằm đánh giá chính xác năng lực và hiệu quả thực hiện công việc.
- Quản trị tài chính:
 - + Xây dựng kế hoạch tài chính gắn liền với công tác quản trị chi phí, quản trị rủi ro của từng dự án.
 - + Tổ chức huy động nguồn vốn đảm bảo cho kế hoạch sản xuất kinh doanh mà đại hội cổ đông đã thông qua bằng nhiều kênh khác nhau để giảm thiểu tối đa chi phí vốn.
- Quản trị tài sản: Xây dựng kế hoạch sử dụng tài sản phù hợp với chiến lược sản xuất kinh doanh, kiên quyết xử lý các tài sản khai thác không hiệu quả.
- Quản trị kế hoạch sản xuất: Bám sát chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh năm đã được ĐHCĐ phê duyệt, xây dựng kế hoạch sản xuất ngắn hạn từng tháng, từng quý để phát hiện và điều chỉnh kịp thời những vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện.
- Quản trị đầu tư: Thông qua Ban đầu tư của công ty để đánh giá cụ thể lợi ích của từng dự án đầu tư trong từng giai đoạn, xác định những chi phí cơ hội và những rủi ro tiềm tàng có thể xảy ra đối với từng dự án để có những quyết định đầu tư hiệu quả

5. Giải trình của Ban giám đốc đối với ý kiến kiểm toán:

Tại thời điểm kết thúc năm tài chính, Chúng tôi đã tích cực gửi xác nhận đối chiếu công nợ đến các khách hàng, nhà cung cấp cũng như cung cấp các thông tin để cho phía Công ty kiểm toán gửi thư xác nhận độc lập của Công ty kiểm toán đến các đối tác của Công ty. Tuy nhiên do hạn chế về thời gian nên tại thời điểm ký báo cáo kiểm toán một số Công ty đối tác chưa kịp gửi lại đầy đủ thư xác nhận công nợ.

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty:

Công ty đã thực hiện tốt những quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, đảm bảo nguyên tắc của công ty là sản xuất hài hòa với môi trường và xã hội cụ thể:

- Với các công trình xây dựng dân dụng: Đầu tư nâng cao thiết bị xử lý nước thải để đảm bảo đạt tiêu chuẩn quy định trước khi thải ra môi trường, vận dụng nhiều biện pháp để thu gom phân loại và xử lý đối với khối lượng rác thải của khối dân cư. Tuyên truyền và nâng cao ý thức của người dân trong việc bảo vệ môi trường, sử dụng tiết kiệm nguồn năng lượng điện và nước, đổ rác đúng nơi quy định.

- Tại các công trình xây dựng của công ty: xây dựng ý thức tiết kiệm điện nước, tránh lãng phí trong thi công, rác thải thi công phải đảm bảo các quy định về thu gom phân loại và xử lý.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty:

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:

- Năm 2020 trong bối cảnh kinh tế Thế giới khó khăn vì phải đối diện với những rủi ro do diễn biến phức tạp của đại dịch covid 19, đại dịch Covid-19 đã khiến mức tăng trưởng của nhiều nền kinh tế trên toàn cầu bị suy giảm mạnh chưa từng thấy trong nhiều thập kỷ qua.
- Ở Việt nam đại dịch Covid-19 cũng đã tác động trực tiếp, gián tiếp đến các hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp trong nước, đại dịch covid đã khiến cho các hoạt động sản xuất bị đình trệ, gián đoạn, các chuỗi cung ứng bị đứt gãy.
- Đối diện với nhiều khó khăn thách thức nhưng trong năm 2020 Hội đồng quản trị đã luôn bám sát tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty để đưa ra các chỉ đạo kịp thời đảm bảo thực hiện mục tiêu kép “vừa phòng chống dịch bệnh hiệu quả, vừa tận dụng tốt các cơ hội, để phát triển hoạt động sản xuất”

1.1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020

1.1.1. Về đầu tư Bất động sản và điện năng:

- Dự án công trình Thủy điện Nậm Hóa 1 công suất 18Mw: đã cơ bản hoàn thành công tác thi công hiện đang tập trung vào công tác giải phóng mặt bằng cho khu vực lòng hồ; Dự kiến dự án sẽ đưa vào khai thác vận hành phát điện vào cuối năm 2021.

- Dự án công trình dự án thủy điện Suối Choang công suất 4MW: hiện đang tập trung đẩy nhanh tiến độ thi công xây lắp và công tác giải phóng mặt bằng phần đầu hoàn thành dự án và đưa vào khai thác vận hành phát điện vào quý 4 năm 2021.

- Dự án BĐS 102 Trường Chinh (Meco Complex): đang tiếp tục hoàn thiện hồ sơ, văn bản pháp lý để xin chuyển đổi một phần chức năng toà văn phòng HH1B sang nhà ở để bán; tiếp tục trình phê duyệt làm chủ đầu tư trường học trên ô đất 3.000m² tại dự án 102 Trường Chinh.

- Tiếp tục thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư dự án: Nhà máy điện mặt trời Hồng Phong 11.1 công suất 50MW tại xã Hồng Phong, huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận. Tổng mức đầu tư dự kiến khoản 1.113 tỷ đồng.

- Đã và đang tiến hành khảo sát để quyết định đầu tư đối với các dự án: dự án điện gió tại Huyện Nguyên Bình, Tỉnh Cao Bằng; dự án thủy điện Mỹ Hưng, tỉnh Cao Bằng.

1.1.2. Về thi công xây lắp:

- Trong năm 2020 Công ty tiếp tục thi công các công trình: công trình Thủy điện Suối Choang, công trình Thủy điện Nậm Hóa 1, Công trình hồ chứa nước bản mòng - Sơn La; gói thầu thầu số 20: Đập chính Sông Cái và Đập phụ số 1 thuộc dự án Hệ thống thủy lợi Tân Mỹ tỉnh Ninh Thuận; Công ty thủy điện Bình Long, tỉnh Cao Bằng; Hoàn thành công tác thi công và bàn giao công trình Thủy điện Khánh Khê.

1.1.3. Về sản xuất chế tạo cơ- điện:

- Đã thực hiện chế tạo và lắp đặt toàn bộ phần cơ khí thủy công tại các công trình Thủy điện Bản Hồ, thủy điện Khánh Khê, thủy điện Nậm Hóa 1, Công trình Nậm Mạ.

1.1.4. Về công tác khảo sát tìm kiếm mở rộng hoạt động sản xuất:

- Đã tiến hành khảo sát đánh giá một số dự án về lâm nghiệp để tìm kiếm cơ hội đầu tư và mở rộng sản xuất.

1.2. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020

Đơn vị tính: Tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu	Hợp nhất		
		Kế hoạch năm 2020	Thực hiện năm 2020	% Hoàn thành kế hoạch
	A	1	2	3= 2/1
1	SẢN LƯỢNG	240,576	190,973	79%
-	Xây dựng	141,888	96,268	68%
-	SX công nghiệp; thương mại và dịch vụ	84,412	84,508	100%
-	Kinh doanh sản xuất điện	14,276	10,197	71%
2	DOANH THU	242,671	125,213	52%
-	Xây dựng	143,582	62,448	43%
-	SX công nghiệp; thương mại và dịch vụ	84,813	52,568	62%
-	Kinh doanh sản xuất điện	14,276	10,197	71%
3	LỢI NHUẬN SAU THUẾ	3,472	(1,224)	

1.3. Kết quả công tác quản trị tài chính

Để tăng cường nguồn tài chính cho hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty đã thực hiện:

- Điều chỉnh giảm tỷ lệ đầu tư tại Công ty cổ phần đầu tư Thủy điện An pha từ 51% vốn điều lệ xuống còn 46% vốn điều lệ Công ty cổ phần đầu tư thủy điện An Pha
- Điều chỉnh giảm tỷ lệ góp vốn tại Công ty cổ phần cơ khí Văn Lâm xuống còn 51,48% vốn điều lệ Công ty cổ phần cơ khí Văn Lâm.
- Đã thực hiện việc xử lý nợ khó đòi bằng nguồn trích lập dự phòng đối với các khoản nợ phải thu khó đòi với tổng số tiền là 179,21 tỷ đồng.
- Công ty đã thực hiện nhiều biện pháp và giải pháp để thu hồi công nợ, kết quả trong năm 2020 đã thu được số tiền là 7,19 tỷ đồng.

1.4. Đánh giá nguyên nhân không đạt của chỉ tiêu lợi nhuận đã đặt ra:

- Hoạt động đầu tư đối với các dự án năng lượng chưa sinh lời trong giai đoạn ngắn;
- Việc thu hồi công nợ chưa có giải pháp triệt để, hiệu quả, số nợ còn phải thu là 344,59 tỷ.
- Chưa hoàn thành thủ tục pháp lý chuyển đổi mục đích kinh doanh nhà ở thương mại của toà HH1B để bán tăng doanh thu
- Dịch bệnh covid 19 hoành hành trong phần lớn thời gian của năm 2020 khiến cho công tác đầu tư các dự án bị chậm tiến độ hoàn thành ở khâu cung ứng vật liệu, thiết bị.
- Lợi nhuận của công ty Mẹ lãi 5,75 tỷ nhưng lợi nhuận trên báo cáo hợp nhất lỗ 1,22 tỷ là do doanh thu phát điện thương mại của Công ty cổ phần đầu tư thủy điện Anpha (công ty con) giảm mạnh với nguyên nhân chính là do tình trạng hạn hán trên sông Nậm hóa dẫn đến doanh thu phát điện không thể bù đắp được chi phí lãi vay, chi phí khấu hao.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban giám đốc Công ty:

- Trong điều kiện hoạt động của công ty không ít khó khăn nhưng Ban tổng giám đốc đã có nhiều cố gắng, nỗ lực trong công tác điều hành, trực tiếp triển khai thực hiện nghị quyết của đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.
- Ban tổng giám đốc đã có nhiều cải tiến trong công tác điều hành đã ban hành xây dựng được các quy định trong công tác quản lý và sử dụng nhân lực, trong báo cáo thực hiện công việc, áp dụng công nghệ thông tin trong công tác điều hành tổ chức sản xuất.
- Trong năm 2021 dự báo sẽ có nhiều thách thức và trước những yêu cầu phát triển mới, Ban tổng giám đốc vẫn cần phải tiếp tục rà soát, hoàn thiện và nâng cao khả năng chuyên môn, chủ động sáng tạo hơn nữa để tăng hiệu quả, tiến độ, chất lượng trong công tác quản lý điều hành doanh nghiệp; tiếp tục duy trì phát huy những mặt đạt được trong năm 2020, quyết tâm và nỗ lực nhiều hơn nữa để thực hiện tốt các chiến lược, mục tiêu và các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh đã được đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị giao phó.

- Tổng giám đốc và Ban điều hành trong quá trình điều hành luôn thể hiện tinh thần trách nhiệm cao cố gắng tìm kiếm mở rộng thị trường, tìm kiếm và phát triển thêm các dự án.
- Hình thức giám sát: Hội đồng quản trị dự họp với Bộ máy điều hành của Công ty để kiểm điểm kết quả thực hiện SXKD hàng quý. Giám sát thông qua việc kiểm tra, kiểm soát của Ban kiểm soát nội bộ Công ty.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

Để tiếp tục hành trình phát triển bền vững theo chiều sâu trong năm 2021, Hội đồng quản trị sẽ tập trung đẩy mạnh tiến độ thực hiện các dự án đầu tư, tích lũy các dự án giải trí để gia tăng nguồn lực phát triển dài hạn, hiện thực hóa doanh thu, lợi nhuận các dự án đã triển khai tạo dòng tiền phục vụ tái đầu tư các dự án mới cụ thể:

3.1. Về đầu tư Bất động sản và điện năng:

- Dự án công trình Thủy điện Nậm Hóa 1 công suất 18MW: tập trung vào công tác giải phóng mặt bằng để sớm đưa dự án phát điện thương mại vào cuối năm 2021.
- Dự án công trình dự án thủy điện Suối Choang công suất 4MW: đẩy nhanh tiến độ thi công xây lắp và công tác giải phóng mặt bằng để đưa dự án vào khai thác vận hành phát điện vào quý 4 năm 2021.
- Dự án BĐS 102 Trường Chinh (Meco Complex): tiếp tục hoàn thiện hồ sơ, văn bản pháp lý để xin chuyển đổi một phần chức năng toà văn phòng HH1B sang nhà ở để bán; tiếp tục trình phê duyệt làm chủ đầu tư trường học trên ô đất 3.000m² tại dự án 102 Trường Chinh.
- Tiếp tục thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư dự án: Nhà máy điện mặt trời Hồng Phong 11.1 công suất 50MW tại xã Hồng Phong, huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận.
- Tiếp tục thực hiện khảo sát, nghiên cứu đầu tư đối với các dự án: dự án điện gió tại Huyện Nguyên Bình, Tỉnh Cao Bằng; dự án thủy điện Mỹ Hưng, tỉnh Cao Bằng.
- Nghiên cứu các điều kiện dự án để góp vốn đầu tư vào Dự án Công trình Thủy điện Bình Long với mức tối thiểu 5% vốn điều lệ Công ty cổ phần năng lượng tái tạo Bình Long.

3.2. Sản xuất kinh doanh:

a. Về thi công xây lắp:

- Trong năm 2021 Công ty tập trung mọi nguồn lực để hoàn thành thi công và bàn giao các công trình: công trình Thủy điện Suối Choang, công trình Thủy điện Nậm Hóa 1, Công trình hồ chứa nước bản mòng – Sơn La; gói thầu thầu số 20: Đập chính Sông Cái và Đập phụ số 1 thuộc dự án Hệ thống thủy lợi Tân Mỹ tỉnh Ninh Thuận;
- Tập trung nhân lực, tại chính để thực hiện công tác thi công đảm bảo tiến độ, chất lượng đối với Công trình thủy điện Bình Long, tỉnh Cao Bằng;

- Thực hiện xúc tiến để quản lý và thi công (tổng thầu) dự án bất động sản tại Huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên do Công ty HP Land làm chủ đầu tư.

b. Về sản xuất chế tạo cơ- điện:

- Thực hiện cơ cấu lại Công ty cổ phần cơ khí Văn Lâm.

c. Về công tác khảo sát tìm kiếm mở rộng hoạt động sản xuất :

- Tiếp tục tiến hành khảo sát đánh giá một số dự án về lâm nghiệp để tìm kiếm cơ hội đầu tư và mở rộng sản xuất.

3.3. Về công tác tài chính:

Để tăng cường nguồn tài chính cho hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty sẽ thực hiện:

- Thoái vốn đầu tư tại một số công ty liên kết hoạt động không hiệu quả
- Xử lý nợ thuế;
- Đẩy mạnh công tác thu hồi công nợ bằng nhiều giải pháp khác nhau
- Thực hiện các giáp pháp để thu hồi giá trị tài sản đã đầu tư đối với dự án Dương Nội.
- Rà soát thanh lý các thiết bị không còn nhu cầu sử dụng.
- Đẩy nhanh công tác thanh quyết toán các công trình đã hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng.
- Tiếp tục cấu trúc và kiện toàn hệ thống tài chính doanh nghiệp bền vững, lành mạnh đảm bảo tính an toàn tài chính cao.

3.4. Về định hướng quản trị năm 2021:

- Tiếp tục hoàn thiện công tác quản trị điều hành, phát triển nhân lực, xây dựng hình ảnh thương hiệu uy tín và minh bạch
- Xây dựng một hệ thống có nội lực mạnh mẽ nhằm nâng cao hiệu suất hoạt động của từng thành viên
- Giám sát chặt chẽ và kịp thời chỉ đạo các hoạt động của Ban điều hành. Duy trì tình hình tài chính lành mạnh, nghiên cứu và áp dụng các công cụ quản trị rủi ro tài chính.

V. Quản trị Công ty.

1. Hội đồng quản trị:

a. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị: Hội đồng quản trị Công ty năm 2020 gồm 05 người:

- | | |
|-------------------------|---------------------------------------|
| 1. Ông Nguyễn Ngọc Bình | - Chủ tịch HĐQT, Tổng giám đốc. |
| 2. Ông Trần Hải Anh | - Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc. |
| 3. Ông Nguyễn Văn Huyền | - Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc. |
| 4. Ông Đỗ Quang Tuấn | - Thành viên HĐQT độc lập. |
| 5. Ông Trần Ngọc Chiến | - Thành viên HĐQT độc lập. |

➤ Tỷ lệ sở hữu cổ phần/ vốn góp và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần/ vốn góp của thành viên HĐQT:

Vốn điều lệ đầu kỳ, ngày 13/3/2020: 57.510.000.000 đồng

Vốn điều lệ cuối kỳ, ngày 18/3/2021: 57.510.000.000 đồng

STT	Họ tên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần đầu kỳ	Thay đổi tỷ lệ nắm giữ
			(ngày 13/3/2019)	(tính đến ngày 18/3/2021)
1	Nguyễn Ngọc Bình	Chủ tịch HĐQT, Tổng giám đốc	8.998.880 cổ phần (15,65% vốn điều lệ)	8.998.880 cổ phần (15,65% vốn điều lệ)
2	Nguyễn Văn Huyền	TV HĐQT, Phó TGĐ	26.400 cổ phần (0,05 % vốn điều lệ)	26.400 cổ phần (0,05 % vốn điều lệ)
3	Trần Hải Anh	TV HĐQT, Phó TGĐ	5.600 cổ phần (0,01% vốn điều lệ)	5.600 cổ phần (0,01% vốn điều lệ)
4	Đỗ Quang Tuấn	TV HĐQT độc lập	0 cổ phần (0% vốn điều lệ)	0 cổ phần (0% vốn điều lệ)
5	Trần Ngọc Chiến	TV HĐQT độc lập	0 cổ phần (0% vốn điều lệ)	0 cổ phần (0% vốn điều lệ)

b. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có.

c. Hoạt động của các Thành viên HĐQT:

Năm 2020, các thành viên HĐQT tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ đã phân công đối với từng thành viên theo một số lĩnh vực như sau:

*** Ông Nguyễn Ngọc Bình - Chủ tịch HĐQT - Thành viên chuyên trách**

- Quyết nghị các nội dung thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
- Phụ trách chung các công việc thuộc quyền và nhiệm vụ của HĐQT;
- Phụ trách chiến lược sản xuất kinh doanh;
- Phụ trách lĩnh vực tài chính; Đầu tư.
- Phụ trách đối nội, đối ngoại.
- Chủ trì và phê duyệt: kế hoạch đầu tư; kế hoạch sản xuất kinh doanh; kế hoạch tài chính.

*** Ông Trần Hải Anh - Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc.**

- Quyết nghị các nội dung thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
- Phụ trách kế hoạch sản xuất kinh doanh;
- Điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày;
- Phụ trách đầu tư xây dựng dân dụng, các dự án Bất động sản; quản lý, vận hành, kinh doanh khai thác các dự án bất động sản.
- Chủ trì công tác tìm kiếm, mở rộng việc làm xây dựng dân dụng.

*** Ông Nguyễn Văn Huyền - Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc.**

- Quyết nghị các nội dung thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

- Phụ trách lĩnh vực đầu tư Điện Năng; chịu trách nhiệm xây dựng mục tiêu, chiến lược, kế hoạch hàng năm của lĩnh vực Đầu tư và kinh doanh Điện Năng.

- Chủ trì công tác tìm kiếm mở rộng thị trường thi công xây lắp thủy lợi, thủy điện.

*** Ông Đỗ Quang Tuấn - Thành viên HĐQT độc lập.**

- Quyết nghị các nội dung thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

- Tham gia, tư vấn, tham mưu, hỗ trợ để các quyết sách của Hội đồng quản trị đúng quy định pháp luật và đảm bảo lợi ích của cổ đông.

- Phụ trách kiểm toán nội bộ Công ty Mecos và các Công ty con; chịu trách nhiệm chỉ đạo, xây dựng quy chế thực hiện về kế toán, kiểm soát nội bộ liên quan đến các hoạt động của Công ty.

- Chủ trì rà soát nâng cao hiệu quả sử dụng Vốn hàng năm của Công ty và các công ty con.

- Thực hiện các nhiệm vụ do Chủ tịch Hội đồng quản trị phân công trong trường hợp cụ thể.

*** Ông Trần Ngọc Chiến - Thành viên HĐQT độc lập.**

- Quyết nghị các nội dung thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

- Phụ trách công tác xây dựng hình ảnh thương hiệu Mecos.

- Chủ trì công tác tìm kiếm mở rộng thị trường lĩnh vực cơ khí.

- Thực hiện các nhiệm vụ do Chủ tịch Hội đồng quản trị phân công trong trường hợp cụ thể.

Các thành viên HĐQT độc lập không điều hành tham dự đầy đủ các cuộc họp HĐQT, quyết nghị các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT, xây dựng chiến lược phát triển và thực hiện giám sát hoạt động điều hành của Ban Tổng giám đốc, giám sát việc sử dụng vốn và tài sản của Công ty, việc bổ nhiệm các vị trí quản lý cấp cao ...

Các cuộc họp của HĐQT:

TT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Nguyễn Ngọc Bình	Chủ tịch HĐQT	12/6/2020	12	12/12	
2	Nguyễn Văn Huyền	Thành viên HĐQT	12/6/2020	12	12/12	
3	Trần Hải Anh	Thành viên HĐQT	12/6/2020	12	12/12	
4	Đỗ Quang Tuấn	Thành viên HĐQT	12/6/2020	12	12/12	

5	Trần Ngọc Chiến	Thành viên HĐQT	12/6/2020	8	8/12	Bầu nhiệm kỳ mới tại ĐHĐCĐ 2020 ngày 12/6/2020
6	Nguyễn Ngọc Hưng	Thành viên HĐQT	12/6/2020	6	6/12	Hết nhiệm kỳ từ ngày 12/6/2020

Kết quả các cuộc họp:

TT	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung
Nhiệm kỳ 2015 - 2020 (Từ ngày 01/01/2020 đến 11/6/2020)			
1	01/2020/NQ- HĐQT	12/2/2020	Nghị quyết thông qua việc chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền tham dự ĐHĐCĐ thường niên năm 2020
2	02/2020/NQ- HĐQT	20/3/2020	Nghị quyết thông qua việc vay vốn sử dụng tài sản bảo đảm tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) - Chi nhánh Thanh Xuân
3	03/2020/NQ- HĐQT	26/3/2020	Nghị quyết thống nhất đảm bảo bằng cổ phần Công ty tại công ty con, thoái vốn hoán đổi bằng cổ phần để trả nợ và hoán đổi nghĩa vụ Công ty mẹ trả nợ thay cho công ty con
4	04/2020/NQ- HĐQT	23/4/2020	Nghị quyết phê duyệt việc thay đổi thời gian tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020 trước ngày 30/6/2020
5	05/2020/NQ- HĐQT	29/5/2020	Nghị quyết chốt ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020
6	06/2020/NQ- HĐQT	03/6/2020	Nghị quyết về việc sử dụng tài sản là cổ phần góp vốn tại CTCP ĐTTĐ Anpha để đảm bảo cho các khoản cấp tín dụng của BIDV Sơn La đối với CTCP ĐTTĐ Anpha
Nhiệm kỳ 2020 - 2025 (Từ ngày 12/6/2020)			
1	01/2020/NQ- HĐQT	17/8/2020	Nghị quyết thông qua việc phát hành bảo lãnh tạm ứng 14.908.000.000 đồng theo Hợp đồng TCXD số 06/HĐKT-XD/HBM ngày 27/12/2010 và Phụ lục HĐ ngày 18/8/2020 thi công CT HCN Bản Mòng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - CN Thanh Xuân
2	02/2020/NQ- HĐQT	08/9/2020	Nghị quyết thông qua việc phát hành bảo lãnh tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - CN Thanh Xuân - gói thầu 01-ĐM-IAM, 04-ĐM-IAM
3	03/2020/NQ- HĐQT	13/10/2020	Nghị quyết điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020

4	04/2020/NQ-HĐQT	09/11/2020	Nghị quyết thống nhất điều chỉnh giảm tỷ lệ sở hữu của Công ty CP Cơ điện và Xây dựng Việt Nam tại Công ty CP Đầu tư thủy điện Anpha từ 51% xuống 46% vốn điều lệ Công ty CP Đầu tư thủy điện Anpha
5	05/2020/NQ-HĐQT	25/11/2020	Nghị quyết phê duyệt, thông qua các hợp đồng/giao dịch giữa Công ty CP Cơ điện và Xây dựng Việt Nam với các bên có liên quan với người nội bộ trong năm 2020
6	06/2020/NQ-HĐQT	22/12/2020	Nghị quyết thông qua việc ký hợp đồng tổng thầu xây lắp dự án “Thủy điện Bình Long, tỉnh Cao Bằng” giữa Công ty CP Cơ điện và Xây dựng Việt Nam với Công ty CP Năng lượng tái tạo Bình Long
7	07/2020/NQ-HĐQT	29/12/2020	Nghị quyết thông qua việc ký hợp đồng vay vốn với bên cho vay là Người nội bộ, bên có liên quan, người có liên quan của người nội bộ để thanh toán cho các nhà thầu thi công CT Bản Mòng, CT Bình Long, CT Nậm Hóa 1, CT Tân Mỹ

d. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập:

TT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Đỗ Quang Tuấn	Thành viên HĐQT độc lập	12/6/2020	12	12/12	Tái cử nhiệm kỳ mới tại ĐHĐCĐ 2020 ngày 12/6/2020
2	Trần Ngọc Chiến	Thành viên HĐQT độc lập	12/6/2020	8	8/12	Bầu nhiệm kỳ mới tại ĐHĐCĐ 2020 ngày 12/6/2020

e. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty: Không.

2. Ban Kiểm soát:

a. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

Ban Kiểm soát năm 2020 có 3 thành viên đều là thành viên độc lập không điều hành, bao gồm:

1. Ông Hoàng Mạnh Tuấn - Trưởng ban kiểm soát - thành viên độc lập không điều hành.
2. Bà Hoàng Thị Kim Anh - thành viên BKS - thành viên độc lập không điều hành.
3. Bà Đinh Thị Vân - thành viên BKS - thành viên độc lập không điều hành.

➤ Tỷ lệ sở hữu cổ phần/ vốn góp và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần/ vốn góp của thành viên Ban Kiểm soát:

Vốn điều lệ đầu kỳ, ngày 13/3/2020: 57.510.000.000 đồng

Vốn điều lệ cuối kỳ, ngày 18/3/2021: 57.510.000.000 đồng

TT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ/cổ đông lớn	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ %	Số cổ phiếu	Tỷ lệ %	
1	Hoàng Mạnh Tuấn	Trưởng BKS	0	0	0	0	
2	Hoàng Thị Kim Anh	TV BKS	17.640	0,031%	17.640	0,031%	
3	Đình Thị Vân	TV BKS	0	0	0	0	

b. Hoạt động của Ban Kiểm soát:

Xem xét, đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, ban Tổng giám đốc và hệ thống quản lý của Công ty trong suốt niên độ liên quan đến việc thực hiện kế hoạch của Công ty năm 2020, đã được Đại hội cổ đông thông qua.

Thực hiện giám sát và phối hợp với Ban Tổng giám đốc tổ chức kiểm tra hoạt động sản xuất kinh doanh và tài chính của Công ty. Trực tiếp làm việc với Ban lãnh đạo trong Công ty nhằm phát hiện những rủi ro; thiếu sót để kiến nghị những giải pháp phù hợp đối với Ban lãnh đạo, ban điều hành Công ty và các đơn vị;

Theo dõi, kiểm tra việc xây dựng quy chế, quy định của Công ty và việc thực hiện các quy chế, quy định đã ban hành;

Năm 2020 lựa chọn công ty kiểm toán là Công ty Kiểm toán và Kế toán Hà Nội theo đúng nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Thẩm định Báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh (quý, 6 tháng và một năm) của Công ty, xem xét các chỉ số, tỷ trọng.

Tham gia rà soát kiểm tra một số công trình công ty đang triển khai như: Bản Mòng, Bình Long, Nậm Hóa 1, Khánh Khê, Suối Choang, Tân Mỹ.

Tham gia quyết toán năm các công trình, đơn vị phụ thuộc trong công ty cùng ban điều hành và các phòng ban trong công ty.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban Kiểm soát:

a. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

➤ Thù lao, các khoản lợi ích khác và các chi phí cho thành viên HĐQT/thành viên Ban kiểm soát:

TT	Chi tiết	Số người	Thu nhập trung bình tháng	Tổng cộng
I	Hội đồng quản trị			
1	Chủ tịch HĐQT chuyên trách	1	40.268.720	483.224.636
2	Thành viên HĐQT không chuyên trách	4	4.680.000	224.640.000
	Cộng I			707.864.636
II	Ban Kiểm soát			
1	Trưởng Ban kiểm soát không chuyên trách	1	2.340.000	28.080.000
2	Thành viên BKS không chuyên trách	2	1.404.000	33.696.000
	Cộng II			61.776.000
	Cộng I+II			769.640.636

➤ **Tiền lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác và các chi phí cho thành viên Ban Tổng giám đốc:**

STT	Chi tiết	Số người	Thu nhập trung bình tháng (đồng)	Tổng cộng
1	Lương Tổng Giám đốc bình quân	1	30.583.864	367.006.363
2	Lương Phó Tổng giám đốc bình quân	4	24.638.739	1.182.659.471
	Cộng			1.549.665.834

b. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

- *Giao dịch cổ phiếu của Thành viên HĐQT (từ 13/3/2020 đến thời điểm 18/3/2021): Không.*

- *Giao dịch cổ phiếu của Thành viên BKS (từ 13/3/2020 đến thời điểm 18/3/2021): Không.*

- *Giao dịch cổ phiếu của người có liên quan của cổ đông nội bộ khác (từ 13/3/2020 đến thời điểm 18/3/2021):*

Tổng số cổ phiếu để tính tỷ lệ sở hữu đầu kỳ: 57.510.000 cổ phiếu

Tổng số cổ phiếu để tính tỷ lệ sở hữu cuối kỳ: 57.510.000 cổ phiếu

TT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ/cổ đông lớn	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ %	Số cổ phiếu	Tỷ lệ %	
1	Mai Minh Huy	Em rể bà Hoàng Thị Kim Anh - Thành viên Ban Kiểm soát	0	0	198.900	0,38%	Mua

c. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ trong năm 2020:

STT	Người nội bộ, người liên quan thực hiện giao dịch	Chức vụ	Nội dung	Giá trị giao dịch
1	Nguyễn Ngọc Bình	Chủ tịch HĐQT	Tạm ứng	2.741.000.000
2	Nguyễn Ngọc Bình		Hoàn ứng	2.741.000.000
3	Nguyễn Ngọc Bình		Cho Công ty vay	14.316.000.000
4	Nguyễn Ngọc Bình		Công ty trả tiền vay	27.750.000.000
5	Nguyễn Ngọc Hưng	TV HĐQT	Hoàn ứng	6.627.267.000
6	Ngô Tuấn Anh	Phó TGD	Cho Công ty CP Cơ khí Văn Lâm vay	160.000.000
7	Nguyễn Văn Huyền	TV HĐQT, PTGD	Tạm ứng	592.000.000
8	Nguyễn Văn Huyền	TV HĐQT, PTGD	Hoàn ứng	212.550.000

d. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

Công ty luôn chấp hành các quy định về quản trị Công ty theo quy định của Nhà nước.

VI. Báo cáo tài chính.

1. Ý kiến kiểm toán: Có tài liệu đính kèm.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán:

2.1. Bảng cân đối kế toán:

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		552.172.807.553	576.656.415.059
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		1.005.767.736	1.031.144.482
1. Tiền	111	V.01	1.005.767.736	1.031.144.482
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	11.643.864.163	10.239.252.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		710.823.067	342.250.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	(102.998.000)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		10.933.041.096	10.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		395.551.018.242	442.665.191.018
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	234.675.156.524	431.064.184.717
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.04	40.403.335.960	53.390.739.573
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.05	700.663.090	12.000.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.06	249.231.606.328	255.013.069.851
5. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	137	V.07	(129.459.743.660)	(308.802.803.123)
IV. Hàng tồn kho	140	V.08	137.976.335.730	121.444.602.246
1. Hàng tồn kho	141		202.294.469.051	208.138.276.737
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(64.318.133.321)	(86.693.674.491)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		5.995.821.682	1.276.225.313
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.15	46.535.832	36.456.922
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	V.09	5.949.285.850	1.239.768.391
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		353.105.256.806	381.335.984.374
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		122.066.136.937	125.386.642.554
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	122.066.136.937	125.386.642.554
- Nguyên giá	222		227.693.922.502	225.860.859.502
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(105.627.785.565)	(100.474.216.948)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.11	721.443.057	721.443.057
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		721.443.057	721.443.057
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		230.317.676.812	255.227.898.763
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.12	28.150.290.029	256.630.290.029
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.13	210.287.240.000	4.207.240.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.14	9.891.470.000	9.891.470.000

4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(18.011.323.217)	(15.501.101.266)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		-	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.15	-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		905.278.064.359	957.992.399.433
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		653.102.264.528	711.570.335.119
I. Nợ ngắn hạn	310		421.826.959.457	465.450.405.048
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.16	199.544.597.613	228.867.605.307
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.17	54.308.847.294	44.571.541.658
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.18	16.941.989.528	22.525.540.377
4. Phải trả người lao động	314		1.053.384.651	1.012.137.497
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.19	40.735.668.862	56.869.080.662
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.20	93.106.427.400	91.181.579.014
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.21	7.785.563.576	11.620.640.000
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		8.350.480.533	8.802.280.533
II. Nợ dài hạn	330		231.275.305.071	246.119.930.071
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.20	215.000.000.000	216.010.625.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.21	15.725.305.071	29.459.305.071
3. Trái phiếu chuyển đổi	339	V.21	550.000.000	650.000.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		252.175.799.831	246.422.064.314
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.22	252.175.799.831	246.422.064.314
1. Vốn góp chủ sở hữu	411		575.100.000.000	575.100.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		575.100.000.000	575.100.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		32.960.749.348	32.960.749.348
3. Cổ phiếu ngân quỹ (*)	415		(73.426.398.513)	(73.426.398.513)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		28.817.258.755	28.817.258.755
5. Lợi nhuận chưa phân phối	421		(311.275.809.759)	(317.029.545.276)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(317.029.545.276)	(328.163.838.835)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		5.753.735.517	11.134.293.559
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		905.278.064.359	957.992.399.433

(Nguồn: Trích BCTC hợp nhất năm 2020)

2.2. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Đơn vị tính: VND

Số TT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	1	2	3	4	5
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VI.01	85.152.969.994	188.859.187.333
2.	Các khoản giảm trừ	2	VI.02	-	-
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp DV	10	VI.03	85.152.969.994	188.859.187.333
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.04	72.420.655.292	163.981.889.237
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp DV	20		12.732.314.702	24.877.298.096
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.05	1.480.830.429	938.129.299
7.	Chi phí tài chính	22	VI.06	3.250.341.575	7.554.337.706
	- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		534.385.302	210.664.120
8.	Chi phí bán hàng	25	VI.07	-	
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.08	6.858.392.895	5.952.610.889
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		4.104.410.661	12.308.478.800
11.	Thu nhập khác	31	VI.09	1.686.204.114	290.745.318
12.	Chi phí khác	32	VI.10	36.879.258	1.464.930.559
13.	Lợi nhuận khác	40		1.649.324.856	(1.174.185.241)
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		5.753.735.517	11.134.293.559
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.11	-	-
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		5.753.735.517	11.134.293.559
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		288	557
19.	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71			

(Nguồn: Trích BCTC hợp nhất năm 2020)

2.3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất:

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU		Mã số	Năm nay	Năm trước
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động sản xuất, kinh doanh			
1.	<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01	5.753.735.517	11.134.293.559
2.	<i>Điều chỉnh do các khoản</i>		-	-
-	Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	5.153.568.617	4.519.059.776
-	Các khoản dự phòng	03	(199.311.376.682)	6.883.926.882
-	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	88.708.149	
-	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(931.828.843)	785.952.131
-	Chi phí lãi vay	06	534.385.302	210.664.120
3.	<i>Lợi nhuận kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</i>	08	(188.712.807.940)	23.533.896.468
-	Tăng, giảm các khoản phải thu	09	227.403.643.074	(39.498.648.764)
-	Tăng, giảm hàng tồn kho	10	5.843.807.686	27.383.724.753
-	Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	(35.246.520.380)	(23.431.848.229)
-	Tăng, giảm chi phí trả trước	13	(10.078.910)	21.159.487
-	Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	14	(368.573.067)	-
-	Tiền lãi vay đã trả	15	(485.582.954)	
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	16	(5.238.168.405)	(1.264.872.540)
-	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	18	(451.800.000)	(628.375.000)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất, kinh doanh	20	2.733.919.104	(13.884.963.825)
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1.	Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(2.016.369.300)	-
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	-	3.799.999.999
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(6.405.663.090)	(12.000.000.000)

4.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	
5.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	22.400.000.000	38.545.281.274
6.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	931.828.843	497.519.959
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30	<i>14.909.796.453</i>	<i>30.842.801.232</i>
III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1.	Tiền thu từ đi vay	33	15.980.923.576	21.200.000.000
2.	Tiền trả nợ gốc vay	34	(33.650.000.000)	(39.544.917.929)
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	<i>(17.669.076.424)</i>	<i>(18.344.917.929)</i>
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	(25.360.867)	(1.387.080.522)
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	1.031.144.482	2.418.225.004
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(15.879)	-
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	1.005.767.736	1.031.144.482

(Nguồn: Trích BCTC hợp nhất năm 2020)

2.4. Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020:

Báo cáo tài chính được kiểm toán năm 2020 của Công ty CP Cơ điện và Xây dựng Việt Nam đã được công bố thông tin đúng quy định và đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty theo website: mecojsc.vn ./.

Nơi nhận:

- UBCKNN;
- SGDCK TP.HCM;
- HĐQT; Ban TGD;
- Lưu: VT, TCHC.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CHỦ TỊCH HĐQT



Nguyễn Ngọc Bình